BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 736 /QĐ-SKĐAHN

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế công tác sinh viên
của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác sinh viên;

Căn cứ Quyết định số 3651/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công tác sinh viên của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế các quy định trước đây của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội về công tác sinh viên trái với Quyết định này.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp; Trưởng phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Trưởng phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên; Trưởng các Khoa, Viện, Tạp chí, Trung tâm; Bí thư Đoàn Thanh niên; các đơn vị, cá nhân có liên quan và toàn thể sinh viên Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Đảng ủy Trường (để b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Đoàn Thanh niên Trường;
- Cổng thông tin điện tử Trường;
- Lưu: VT, KT&CTHSSV, TTPT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU-ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

TS. Bùi Như Lai

QUY CHẾ

Công tác sinh viên của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 736 /QĐ-SKĐAHN ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nội dung công tác sinh viên của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (sau đây gọi là Trường), bao gồm: nội dung công tác sinh viên; công tác quản lý sinh viên; đánh giá kết quả rèn luyện; khen thưởng và kỷ luật; bảo đảm an ninh, an toàn trường học; chuyển đổi số trong công tác sinh viên; trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân có liên quan.

2. Quy chế này cụ thể hóa Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác sinh viên (sau đây gọi là Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT) phù hợp với đặc thù đào tạo nghệ thuật của Trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên đang theo học các chương trình đào tạo trình độ đại học tại Trường (bao gồm cả sinh viên học chương trình đào tạo trình độ thấp hơn theo phân cấp đào tạo của Trường khi có).

2. Các đơn vị, viên chức, người lao động của Trường được giao thực hiện công tác sinh viên; các tổ chức đoàn thể, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

3. Sinh viên là người nước ngoài đang học tập tại Trường, sinh viên là người Việt Nam đang học tập ở nước ngoài theo chương trình của Trường được áp dụng Quy chế này một cách phù hợp với quy định riêng của Trường và pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công tác sinh viên là hệ thống các hoạt động giáo dục, tuyên truyền, quản lý, tư vấn và hỗ trợ sinh viên của Trường nhằm bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực nghệ thuật chất lượng cao.

2. Sinh viên nội trú là sinh viên cư trú tại khu nội trú do Trường bố trí hoặc tại ký túc xá do Trường phối hợp, liên kết bố trí (sau đây gọi chung là khu nội trú).

3. Sinh viên ngoại trú là sinh viên không cư trú trong khu nội trú do Trường quản lý.

4. Hoạt động nghệ thuật của sinh viên là các hoạt động sáng tác, biểu diễn, làm phim, nhiếp ảnh, thiết kế mỹ thuật, dàn dựng sân khấu, tham gia liên hoan, hội diễn,

cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp do Trường tổ chức, cử tham gia hoặc xác nhận, gắn với chuyên ngành đào tạo.

5. Đạo đức nghề nghiệp nghệ sĩ là hệ giá trị về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử và trách nhiệm xã hội mà sinh viên Trường phải rèn luyện trong quá trình học tập để trở thành nghệ sĩ chân chính, phục vụ Tổ quốc và Nhân dân.

6. Hồ sơ sinh viên điện tử là tập hợp dữ liệu sinh viên được số hóa, lưu trữ và quản lý trên hệ thống phần mềm quản lý của Trường, bảo đảm bảo mật, toàn vẹn và sẵn sàng kết nối, chia sẻ theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện công tác sinh viên

1. Tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng ủy Trường và sự chỉ đạo, điều hành thống nhất của Hiệu trưởng.

2. Lấy sinh viên làm trung tâm; bảo đảm khách quan, công bằng, công khai, minh bạch, dân chủ, hiện đại; phát huy tối đa việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong thực hiện công tác sinh viên.

3. Gắn công tác sinh viên với mục tiêu, sứ mạng và đặc thù đào tạo nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, nhiếp ảnh, truyền hình của Trường; phát hiện, bồi dưỡng, phát huy tài năng nghệ thuật của sinh viên.

4. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị thuộc Trường, giữa Trường với gia đình sinh viên, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể và các bên có liên quan; thực hiện đúng cơ chế ba bên: Nhà trường - Gia đình - Xã hội.

5. Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, có hệ thống minh chứng đầy đủ phục vụ công tác kiểm định chất lượng giáo dục, thanh tra, kiểm tra và quản trị rủi ro.

Điều 5. Mục tiêu công tác sinh viên

1. Hình thành và phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực, đạo đức nghề nghiệp của người nghệ sĩ tương lai có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tài năng nghệ thuật, có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

2. Bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của sinh viên; tạo môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, văn minh, có bản sắc văn hóa của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

3. Nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực nghệ thuật phục vụ sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp.

4. Phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kịp thời các biểu hiện vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghệ sĩ, các hành vi ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của Trường trong môi trường nghệ thuật và không gian mạng.

Chương II
NỘI DUNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

Mục 1
GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG, PHÁP LUẬT, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, VĂN HÓA, THẨM MỸ, THỂ CHẤT VÀ KỸ NĂNG

Điều 6. Giáo dục chính trị, tư tưởng

1. Giáo dục, bồi dưỡng để sinh viên nhận thức đầy đủ, sâu sắc chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; lịch sử cách mạng Việt Nam và truyền thống văn hóa dân tộc; bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; nâng cao bản lĩnh chính trị và niềm tin vào con đường phát triển của đất nước.

2. Nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng tập trung vào: phổ biến, quán triệt nghị quyết của Đảng các cấp, đặc biệt là các nghị quyết về văn hóa, nghệ thuật; định hướng nhận thức chính trị, trang bị kiến thức nhận diện và đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật; giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho sinh viên nghệ thuật.

3. Hình thức tổ chức:

a) Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên đầu khóa (dành cho sinh viên năm thứ nhất), giữa khóa (dành cho sinh viên năm thứ hai và thứ ba) và cuối khóa (dành cho sinh viên năm cuối), theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Chuyên đề định kỳ về tư tưởng Hồ Chí Minh với văn hóa, nghệ thuật; về vai trò của người nghệ sĩ - chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng - văn hóa;

c) Sinh hoạt chính trị nhân các ngày kỷ niệm lớn của đất nước, của ngành Văn hóa và của Trường;

d) Lồng ghép trong các học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, các môn lý luận chính trị và các môn nghiệp vụ chuyên ngành;

đ) Hội nghị đối thoại giữa sinh viên với Đảng ủy, Ban Giám hiệu, lãnh đạo các đơn vị được tổ chức hằng năm.

4. Đảng ủy Trường lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với sinh viên; Đảng ủy viên phụ trách công tác tuyên giáo tham mưu nội dung; Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên chủ trì tổ chức thực hiện.

Điều 7. Giáo dục pháp luật

1. Giáo dục để sinh viên hiểu và chấp hành Hiến pháp, pháp luật; hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật; bảo đảm thượng tôn pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử trong cuộc sống, học tập và hoạt động nghệ thuật.

2. Nội dung giáo dục pháp luật bao gồm: Hiến pháp; pháp luật về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; pháp luật về giáo dục đại học; Luật Sở hữu trí tuệ và pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; Luật Điện ảnh; Luật Báo chí; Luật

An ninh mạng; pháp luật về phòng, chống ma túy, mại dâm, tệ nạn xã hội; pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; pháp luật về quảng cáo và sử dụng hình ảnh.

2. Nội dung giáo dục pháp luật gồm: Hiến pháp; pháp luật về quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân; pháp luật giáo dục đại học; pháp luật sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, quyền liên quan; pháp luật chuyên ngành văn hóa - nghệ thuật (Luật Điện ảnh; Luật Báo chí; Luật An ninh mạng; pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quảng cáo và sử dụng hình ảnh.

3. Hình thức tổ chức: tổ chức Ngày Pháp luật hằng năm; chuyên đề pháp luật chuyên ngành nghệ thuật; hội thi tìm hiểu pháp luật; lồng ghép trong Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên; tăng cường tuyên truyền pháp luật trên cổng thông tin điện tử và các kênh truyền thông nội bộ của Trường.

Điều 8. Giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, thẩm mỹ và đạo đức nghề nghiệp nghệ sĩ

1. Giáo dục để sinh viên hình thành và phát triển hệ giá trị cơ bản của con người Việt Nam thời kỳ mới: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, kỷ luật, sáng tạo; biết sống tự chủ, nhân văn, ứng xử văn minh; tôn trọng truyền thống văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; có thị hiếu thẩm mỹ phù hợp với thuần phong mỹ tục và giá trị văn hóa dân tộc.

2. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp nghệ sĩ là nội dung đặc thù, bắt buộc đối với toàn thể sinh viên của Trường, gồm các giá trị:

a) Trung thực, liêm chính trong sáng tạo, biểu diễn; không đạo nhái, không vi phạm bản quyền;

b) Tôn trọng đồng nghiệp, khán giả, công chúng và đối tượng phục vụ;

c) Trách nhiệm xã hội của người nghệ sĩ; ý thức bảo vệ uy tín, danh dự của Trường, của ngành nghệ thuật Việt Nam;

d) Văn hóa ứng xử trên không gian mạng; phát ngôn có trách nhiệm; không lan truyền thông tin sai sự thật, không tham gia các sản phẩm văn hóa độc hại, phản cảm;

đ) Bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; gìn giữ tiếng Việt trong tác phẩm nghệ thuật.

3. Tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thẩm mỹ, thể thao và trải nghiệm xã hội phù hợp đặc thù sinh viên nghệ thuật: liên hoan nghệ thuật sinh viên, đêm diễn báo cáo, triển lãm sinh viên, hành trình về nguồn, đi thực tế tại các vùng văn hóa truyền thống.

4. Đảng ủy Trường ban hành Quy tắc ứng xử của sinh viên Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (kèm theo Quy chế này), trong đó cụ thể hóa chuẩn mực đạo đức người nghệ sĩ tương lai.

Điều 9. Giáo dục thể chất

1. Giáo dục để sinh viên nhận thức đúng vai trò của rèn luyện thể chất, hoạt động thể dục, thể thao và chế độ dinh dưỡng hợp lý nhằm nâng cao sức khỏe và phát triển

toàn diện; lưu ý đặc thù lao động nghệ thuật có tính tiêu hao thể lực cao (phù hợp với từng chuyên ngành đặc thù).

2. Tổ chức các học phần giáo dục thể chất bắt buộc theo chương trình đào tạo; ưu tiên các môn rèn luyện thể lực, dẻo dai, kỹ năng vận động phù hợp đặc thù chuyên ngành nghệ thuật.

3. Tổ chức các giải thể thao truyền thống của Trường; phong trào rèn luyện thân thể hằng ngày trong khu nội trú và các khoa chuyên môn.

Điều 10. Giáo dục kỹ năng

1. Giáo dục để sinh viên có năng lực thích ứng với sự thay đổi của xã hội, công nghệ và thị trường lao động nghệ thuật; phát triển kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng công dân số.

2. Năng lực số cốt lõi của sinh viên được tổ chức theo 06 miền năng lực quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT, cụ thể hóa phù hợp với đặc thù đào tạo nghệ thuật của Trường:

a) Miền 1 - Khai thác dữ liệu: tìm kiếm, thu thập, đánh giá và quản lý thông tin, dữ liệu nghệ thuật trong môi trường số; sử dụng phần mềm chuyên ngành (dựng phim, dựng âm thanh, đồ họa sân khấu, hậu kỳ truyền hình); khai thác có hiệu quả các cơ sở dữ liệu học liệu số, lưu trữ di sản văn hóa và nghệ thuật trực tuyến;

b) Miền 2 - Giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm trên nền tảng số; giao tiếp chuyên nghiệp qua các kênh trực tuyến; kỹ năng làm việc với công chúng, báo chí, truyền thông; kỹ năng phỏng vấn và phát ngôn có trách nhiệm trước truyền thông; hội nhập quốc tế qua ngoại ngữ chuyên ngành nghệ thuật và giao lưu văn hóa trong môi trường đa văn hóa;

c) Miền 3 - Sáng tạo nội dung số: sản xuất, biên tập, xuất bản nội dung nghệ thuật trên môi trường số; thực thi bản quyền và giấy phép đối với tác phẩm nghệ thuật số theo Luật Sở hữu trí tuệ (sửa đổi 2022) và Nghị định số 17/2023/NĐ-CP; sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo (AI tạo sinh) có trách nhiệm; thực hiện nghĩa vụ khai báo việc sử dụng AI trong bài tập, tiểu luận và đồ án theo đúng quy định của Nhà trường; trích dẫn AI theo chuẩn học thuật được quy định trong Sổ tay hướng dẫn sử dụng AI trong học tập và nghiên cứu của Nhà trường; khởi nghiệp đặc thù: thành lập nhóm sáng tác, đoàn diễn, studio, sản xuất nội dung số;

d) Miền 4 - An toàn: bảo mật thông tin cá nhân; phòng tránh rủi ro trên không gian mạng; nhận diện và phòng, chống thông tin xấu, độc; quản lý danh tính số của người nghệ sĩ trên các nền tảng trực tuyến; phòng, chống ma túy và tệ nạn xã hội, đặc biệt trong môi trường biểu diễn, hậu trường, đoàn làm phim;

đ) Miền 5 - Giải quyết vấn đề: vận dụng công nghệ số để phân tích, xử lý tình huống trong thực hành nghệ thuật; đàm phán hợp đồng nghệ thuật; bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan; quản lý thời gian và tư duy phản biện trong môi trường sáng tạo số;

e) Miền 6 - Ứng dụng AI: hiểu biết cơ bản về nguyên lý hoạt động của trí tuệ nhân tạo trong sáng tạo nghệ thuật (AI tạo hình ảnh, âm nhạc, kịch bản, dựng phim); sử dụng công cụ AI hỗ trợ học tập và sáng tác theo chuẩn liêm chính học thuật, bao gồm khai báo và trích dẫn AI đúng quy trình theo Sổ tay hướng dẫn của Nhà trường; đánh giá rủi ro đạo đức và pháp lý khi ứng dụng AI trong sản phẩm nghệ thuật. Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên phối hợp với Bộ môn Tin học (Khoa Kiến thức cơ bản) ban hành Sổ tay hướng dẫn sử dụng AI trong học tập và nghiên cứu trước khi Quy chế này có hiệu lực; sinh viên được tập huấn đầy đủ về Sổ tay trước khi các quy định về xử lý vi phạm liên quan đến AI được áp dụng.

g) Ngoài 06 miền năng lực số nêu trên, sinh viên tiếp tục được trang bị các kỹ năng mềm thiết yếu: làm việc nhóm, quản lý thời gian, tư duy phản biện và các kỹ năng nghề nghiệp đặc thù khác theo yêu cầu của từng chuyên ngành đào tạo.

3. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế chủ trì tích hợp giáo dục kỹ năng vào chương trình đào tạo và hoạt động ngoại khóa; phối hợp với Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng định kỳ.

Mục 2
CÔNG TÁC TƯ VẤN, HỖ TRỢ SINH VIÊN

Điều 11. Tư vấn, hỗ trợ sinh viên

1. Công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên được tổ chức thành 04 nhóm hoạt động chủ yếu:

a) Tư vấn học đường và công tác xã hội;

b) Tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp;

c) Tư vấn, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe;

d) Tư vấn, hỗ trợ khác.

2. Trường thành lập Tổ Tư vấn, hỗ trợ sinh viên thuộc Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên theo lộ trình bố trí nguồn lực của Trường; có cán bộ chuyên trách và đội ngũ cộng tác viên là giảng viên chủ nhiệm lớp, chuyên gia tâm lý, cựu sinh viên thành đạt.

3. Trường công khai số điện thoại đường dây nóng, địa chỉ email, kênh trực tuyến tiếp nhận yêu cầu tư vấn của sinh viên; bảo đảm thời gian phản hồi không quá 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thông thường và phản hồi ngay đối với trường hợp khẩn cấp.

Điều 12. Tư vấn tâm lý học đường và công tác xã hội

1. Sinh viên Trường có đặc thù chịu áp lực tâm lý từ tính cạnh tranh cao trong nghệ thuật, từ môi trường biểu diễn trước công chúng, từ dư luận trên không gian mạng. Trường có trách nhiệm chủ động tổ chức công tác tư vấn tâm lý chuyên biệt phù hợp đặc thù sinh viên nghệ thuật.

2. Nội dung công tác tư vấn tâm lý gồm: tư vấn cá nhân, tư vấn nhóm; sàng lọc, phát hiện sớm các biểu hiện căng thẳng, trầm cảm, rối loạn lo âu; tư vấn về mối quan hệ thầy – trò, bạn bè; tư vấn về định hướng phát triển nghề nghiệp; hỗ trợ chuyển tuyến đến cơ sở y tế chuyên khoa khi cần thiết.

3. Thông tin cá nhân của sinh viên đến tư vấn tâm lý được bảo mật tuyệt đối; chỉ chia sẻ khi sinh viên đồng ý hoặc khi pháp luật yêu cầu; nghiêm cấm sử dụng thông tin tư vấn để xử lý kỷ luật sinh viên.

Điều 13. Tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp

1. Trường tổ chức các hoạt động: định hướng nghề nghiệp nghệ thuật cho sinh viên năm thứ nhất; tư vấn lựa chọn chuyên ngành sâu; giới thiệu đoàn nghệ thuật, hãng phim, đài truyền hình, công ty truyền thông, sân khấu tư nhân; tổ chức Ngày hội việc làm sinh viên nghệ thuật định kỳ.

2. Hỗ trợ khởi nghiệp gồm: tư vấn thành lập nhóm sáng tác, studio, đoàn diễn, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực nghệ thuật; kết nối nguồn lực tài chính, mentor, không gian sáng tạo; bảo vệ ý tưởng và tài sản trí tuệ của sinh viên.

3. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế chủ trì kết nối với các đoàn nghệ thuật, doanh nghiệp; Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên chủ trì tư vấn cá nhân và hỗ trợ thủ tục.

Điều 14. Tư vấn, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe và công tác y tế trường học

1. Trường tổ chức công tác y tế trường học theo quy định của pháp luật; bố trí cán bộ y tế chuyên trách hoặc hợp đồng dịch vụ y tế; bảo đảm sơ cấp cứu kịp thời tại trường quay, sân khấu thực hành, phòng tập múa và các địa điểm thực hành nghệ thuật.

2. Tổ chức khám sức khỏe đầu khóa và định kỳ; lập hồ sơ sức khỏe sinh viên; lưu ý sàng lọc các bệnh nghề nghiệp đặc thù: cận thị, các bệnh về thanh quản (đối với sinh viên kịch hát, diễn viên), các chấn thương vận động (đối với sinh viên múa, sân khấu).

3. Tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống ma túy; phòng, chống HIV/AIDS; phòng, chống dịch bệnh; sức khỏe sinh sản; dinh dưỡng và an toàn thực phẩm; phòng tránh tai nạn thương tích trong hoạt động nghệ thuật.

Điều 15. Hỗ trợ học bổng, chế độ chính sách

1. Trường tổ chức xét, cấp học bổng khuyến khích học tập theo quy định; thực hiện đầy đủ chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, trợ cấp xã hội và các chế độ, chính sách khác của Nhà nước cho sinh viên thuộc đối tượng được hưởng.

2. Trường chủ động vận động, tiếp nhận các nguồn học bổng tài trợ từ các tổ chức, cá nhân; ưu tiên các quỹ học bổng dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vượt khó học giỏi, sinh viên có tài năng nghệ thuật đặc biệt.

3. Rà soát, phát hiện và hỗ trợ kịp thời sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, sinh viên dân tộc thiểu số; bảo đảm cơ hội học tập cho sinh viên có năng khiếu, tài năng nghệ thuật.

4. Việc xét, cấp học bổng và thực hiện chế độ chính sách phải bảo đảm công khai, minh bạch; danh sách thụ hưởng được công bố trên cổng dịch vụ sinh viên và niêm yết tại đơn vị chuyên môn.

Điều 16. Hỗ trợ tài năng nghệ thuật

1. Trường xây dựng và triển khai Chương trình bồi dưỡng tài năng nghệ thuật dành cho sinh viên có năng khiếu vượt trội, thể hiện qua thành tích học tập chuyên ngành, kết

quả tham gia liên hoan, hội diễn, giải thưởng nghệ thuật trong nước và quốc tế.

2. Quyền lợi của sinh viên thuộc Chương trình bồi dưỡng tài năng nghệ thuật:

a) Được giảng viên đầu ngành kèm cặp, hướng dẫn theo cơ chế mentor – mentee;

b) Được ưu tiên cử tham gia liên hoan, hội diễn, cuộc thi nghệ thuật trong nước và quốc tế;

c) Được ưu tiên xét cấp học bổng tài năng, hỗ trợ kinh phí sáng tạo;

d) Được tạo điều kiện về thời gian, lịch học để tham gia các dự án nghệ thuật chuyên nghiệp ngoài Trường có giá trị bồi dưỡng tài năng;

đ) Được cộng điểm rèn luyện theo quy định tại Phụ lục IIA Quy chế này.

3. Hiệu trưởng ban hành Quy định riêng về Chương trình bồi dưỡng tài năng nghệ thuật, trên cơ sở đề xuất của Hội đồng khoa học và đào tạo Trường.

Điều 17. Thực hiện chế độ, chính sách của Nhà nước đối với sinh viên

Trường hướng dẫn, thực hiện thủ tục miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; trợ cấp xã hội; tín dụng sinh viên và các chế độ, chính sách khác của Nhà nước cho sinh viên theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện công khai danh sách thụ hưởng trên cổng thông tin điện tử.

Chương III
CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN

Điều 18. Tiếp nhận sinh viên trúng tuyển

1. Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức tiếp nhận sinh viên trúng tuyển; bố trí, sắp xếp sinh viên vào lớp, khoa chuyên môn theo ngành đào tạo; chỉ định Ban Cán sự lâm thời của lớp; cấp thẻ sinh viên.

2. Việc tiếp nhận sinh viên được thực hiện theo hình thức trực tiếp; từng bước triển khai trên môi trường số khi Cổng dịch vụ sinh viên được đưa vào vận hành.

3. Sinh viên năm thứ nhất được tham gia Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên đầu khóa trước khi bắt đầu năm học chính thức. Việc tham gia Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên là điều kiện bắt buộc.

Điều 19. Hồ sơ sinh viên

1. Hồ sơ sinh viên được lập, quản lý dưới hai hình thức: hồ sơ giấy lưu trữ tại Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên và hồ sơ điện tử trên hệ thống phần mềm quản lý của Trường.

2. Thành phần hồ sơ sinh viên gồm:

a) Giấy báo trúng tuyển và nhập học;

b) Lý lịch sinh viên, ảnh chân dung;

c) Bản sao Căn cước công dân hoặc giấy tờ định danh hợp pháp; bản sao giấy khai sinh;

d) Bản sao văn bằng, chứng chỉ trúng tuyển; bản sao học bạ, bảng điểm;

đ) Giấy tờ xác nhận đối tượng ưu tiên, đối tượng chính sách (nếu có);

e) Hồ sơ sức khỏe;

g) Các quyết định, biên bản liên quan đến quá trình học tập, rèn luyện, khen thưởng, kỷ luật của sinh viên;

h) Các văn bằng, chứng chỉ, bằng khen, giải thưởng nghệ thuật mà sinh viên đạt được trong quá trình học tập được lưu trữ dưới dạng tệp tin số trong hồ sơ sinh viên điện tử theo quy định tại Điều 51 Quy chế này.

3. Hồ sơ sinh viên được quản lý theo nguyên tắc bảo mật, an toàn, đúng thẩm quyền, tuân thủ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định của Trường về bảo vệ dữ liệu cá nhân sinh viên.

4. Sinh viên có quyền tiếp cận, đề nghị chỉnh sửa thông tin cá nhân trong hồ sơ của mình; có quyền yêu cầu Trường cấp các giấy xác nhận, bản sao giấy tờ liên quan đến quá trình học tập.

Điều 20. Quản lý dữ liệu sinh viên và kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Trường xây dựng và vận hành Cơ sở dữ liệu sinh viên thống nhất trong toàn Trường, bảo đảm các yêu cầu: chính xác, đầy đủ, kịp thời cập nhật, an toàn, sẵn sàng kết nối, chia sẻ với hệ thống thông tin quản lý của ngành Giáo dục và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định của pháp luật.

2. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu sinh viên với các cơ quan, tổ chức bên ngoài phải được Hiệu trưởng phê duyệt, tuân thủ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

3. Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên là đầu mối quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu sinh viên; phối hợp với Phòng Hành chính, Tổng hợp và Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế trong việc cập nhật, khai thác dữ liệu phục vụ công tác đào tạo, cấp văn bằng, chứng chỉ.

Điều 21. Thẻ sinh viên

1. Sinh viên được nhà trường cấp Thẻ sinh viên. Thẻ sinh viên có giá trị trong suốt khóa học, là giấy tờ định danh sinh viên trong các hoạt động học tập, rèn luyện và sử dụng các dịch vụ của Trường.

2. Trường xây dựng lộ trình triển khai Thẻ sinh viên đa năng tích hợp các chức năng định danh điện tử, điểm danh, thư viện, thanh toán không dùng tiền mặt phù hợp điều kiện thực tiễn và nguồn lực của Trường, thực hiện theo mục tiêu chuyển đổi số quy định tại Điều 50 Quy chế này.

3. Trường hợp sinh viên làm mất Thẻ phải báo cáo ngay với Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên để cấp lại; nghiêm cấm việc cho mượn, cho thuê hoặc làm giả Thẻ sinh viên.

Điều 22. Thủ tục hành chính đối với sinh viên trên môi trường số

1. Trường triển khai Cổng dịch vụ sinh viên trực tuyến để giải quyết các thủ tục hành chính sau đây trên môi trường số theo lộ trình quy định tại Chương VII Quy chế này; trong thời gian Cổng dịch vụ sinh viên chưa được đưa vào vận hành, các thủ tục

được giải quyết theo hình thức trực tiếp hoặc văn bản giấy:

a) Đăng ký nhập học, xác nhận sinh viên đang theo học;

b) Đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú; đăng ký sinh viên nội trú, ngoại trú;

c) Đăng ký tham gia các hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghệ thuật, đi thực tế, đi diễn ngoài trường;

d) Đăng ký xin xác nhận, cấp bản sao các giấy tờ liên quan;

đ) Đăng ký miễn, giảm học phí, học bổng, trợ cấp xã hội;

e) Đăng ký bảo lưu, nghỉ học tạm thời, chuyển trường, thôi học;

g) Khiếu nại, kiến nghị về kết quả đánh giá rèn luyện;

h) Các thủ tục khác do Hiệu trưởng quyết định.

2. Thời gian giải quyết các thủ tục hành chính được công khai trên Cổng dịch vụ sinh viên; bảo đảm thực hiện theo nguyên tắc "01 cửa điện tử", không yêu cầu sinh viên đi lại nhiều lần.

3. Sinh viên có thể nộp đề nghị bằng văn bản giấy trong các trường hợp đặc biệt; bộ phận tiếp nhận có trách nhiệm số hóa và xử lý theo quy trình điện tử.

Điều 23. Quản lý sinh viên nội trú

1. Trong trường hợp Trường có khu nội trú do trường bố trí hoặc phối hợp, liên kết với Ban Quản lý ký túc xá để bố trí chỗ ở cho sinh viên, đơn vị được giao đầu mối (Phòng Hành chính, Tổng hợp hoặc đơn vị liên kết) có trách nhiệm:

a) Bố trí lực lượng trực 24 giờ trong ngày; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường;

b) Tổ chức ký nội quy nội trú với từng sinh viên; thường xuyên kiểm tra việc chấp hành nội quy; xử lý kịp thời các vi phạm theo quy định;

c) Tổ chức hoạt động tự quản; phát huy vai trò của Ban Tự quản khu nội trú; xây dựng phong trào thi đua khu nội trú văn hóa;

d) Thiết lập kênh thông tin liên lạc giữa đơn vị phụ trách với gia đình sinh viên; thông báo kịp thời các vụ việc liên quan.

2. Sinh viên nội trú có nghĩa vụ: chấp hành nội quy khu nội trú; giữ gìn an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường; tham gia các hoạt động tự quản; bảo vệ tài sản công.

Điều 24. Quản lý sinh viên ngoại trú

1. Trường xây dựng kế hoạch hằng năm để triển khai thực hiện công tác phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương trong quản lý và hỗ trợ sinh viên ngoại trú.

2. Trường lập kênh thông tin giữa Trường, chính quyền địa phương, gia đình, chủ nhà trọ trên địa bàn; cập nhật việc thay đổi nơi cư trú của sinh viên; phối hợp với cơ quan công an trong công tác quản lý cư trú, kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác quản lý theo quy định của pháp luật; giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh liên quan đến sinh viên ngoại trú; tổ chức tổng kết công tác sinh viên ngoại trú hằng năm.

3. Trường công bố đầu mối tiếp nhận thông tin để sinh viên ngoại trú kịp thời phản ánh, cung cấp các thông tin cần thiết có liên quan đến Trường.

4. Sinh viên ngoại trú thực hiện đăng ký, khai báo nơi cư trú với Trường trong vòng 15 ngày kể từ ngày bắt đầu cư trú theo hình thức do Trường quy định phù hợp điều kiện thực tế.

Điều 25. Quản lý sinh viên đi thực tế, đi biểu diễn, tham gia dự án nghệ thuật ngoài Trường

1. Hoạt động đi thực tế, đi biểu diễn, tham gia dự án nghệ thuật ngoài Trường (sau đây gọi chung là hoạt động nghệ thuật ngoài Trường) là hoạt động đặc thù gắn với chuyên ngành đào tạo nghệ thuật, bao gồm:

a) Đi thực tế chuyên môn dài ngày tại các đoàn nghệ thuật, hãng phim, đài truyền hình, vùng văn hóa truyền thống do Khoa hoặc Trường tổ chức;

b) Tham gia đóng phim, đóng vở, biểu diễn nghệ thuật tại các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp bên ngoài Trường;

c) Tham gia liên hoan, hội diễn, cuộc thi nghệ thuật trong nước và quốc tế;

d) Tham gia các dự án nghệ thuật, sản xuất nội dung số có giá trị bồi dưỡng tài năng.

2. Phân loại và thẩm quyền quản lý:

a) Hoạt động do Trường, Khoa tổ chức: thực hiện theo kế hoạch đã được Hiệu trưởng phê duyệt; sinh viên tham gia theo phân công;

b) Hoạt động do tổ chức ngoài Trường mời sinh viên tham gia trong thời gian học: sinh viên phải có Đơn đăng ký gửi Khoa quản lý sinh viên (theo Mẫu số 03 Phụ lục I), được Trưởng khoa xác nhận và Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên đồng ý trước khi tham gia;

c) Hoạt động do sinh viên chủ động tham gia trong thời gian nghỉ học chính khóa (kỳ nghỉ hè, nghỉ lễ, ngoài giờ học): sinh viên thực hiện việc khai báo trên Cổng dịch vụ sinh viên trong vòng 03 ngày trước khi đi để bảo đảm Trường nắm được tình hình.

d) Việc Khoa, Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên xác nhận cho sinh viên tham gia hoạt động nghệ thuật ngoài Trường theo quy định tại Điều này không làm phát sinh trách nhiệm dân sự, trách nhiệm bảo lãnh của Trường đối với các bên liên quan ngoài Trường.

3. Sinh viên tham gia hoạt động nghệ thuật ngoài Trường có trách nhiệm:

a) Tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp nghệ sĩ; giữ gìn uy tín của Trường;

b) Không để hoạt động nghệ thuật ngoài Trường ảnh hưởng tiêu cực đến tiến độ học tập, kết quả học tập tại Trường;

c) Báo cáo Khoa quản lý về kết quả hoạt động sau khi kết thúc; nộp minh chứng (hợp đồng, giấy xác nhận, sản phẩm nghệ thuật) phục vụ quy đổi rèn luyện theo Phụ lục IIA Quy chế này;

d) Trường hợp gặp sự cố trong quá trình tham gia hoạt động ngoài Trường, sinh viên báo ngay cho giảng viên chủ nhiệm lớp, Khoa quản lý hoặc đường dây nóng của Trường.

4. Trường có trách nhiệm xác nhận hoạt động chuyên môn nghệ thuật của sinh viên khi có yêu cầu, làm cơ sở quy đổi rèn luyện và ghi nhận thành tích. Việc xác nhận thực hiện trong vòng 05 ngày làm việc.

5. Nghiêm cấm sinh viên lợi dụng danh nghĩa Trường, lợi dụng thương hiệu, hình ảnh Trường để tham gia các hoạt động nghệ thuật trái pháp luật, trái đạo đức nghề nghiệp, có nội dung phản cảm, đồi trụy, phản động hoặc các hoạt động quảng cáo trá hình.

Điều 26. Trách nhiệm của giảng viên chủ nhiệm lớp

1. Giảng viên làm công tác chủ nhiệm lớp (sau đây gọi là giảng viên chủ nhiệm lớp) do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa; là giảng viên có kinh nghiệm, có uy tín; mỗi giảng viên chủ nhiệm lớp phụ trách một lớp sinh viên trong suốt khóa học.

2. Giảng viên chủ nhiệm lớp có trách nhiệm:

a) Tư vấn, hướng dẫn sinh viên về kế hoạch học tập cá nhân, lựa chọn học phần, đăng ký chuyên ngành sâu;

b) Theo dõi, hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện; phát hiện sớm và can thiệp kịp thời các trường hợp sinh viên gặp khó khăn;

c) Tham gia đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên với tư cách thành viên Hội đồng đánh giá cấp lớp;

d) Tham gia các phiên họp xét kỷ luật sinh viên thuộc lớp mình phụ trách;

đ) Định kỳ tổ chức gặp gỡ tập thể lớp ít nhất 01 lần/tháng; báo cáo Trưởng khoa và Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên về tình hình lớp.

3. Giảng viên chủ nhiệm lớp được hưởng chế độ phụ cấp, được tính giờ chuẩn theo quy định của Trường.

Điều 27. Trách nhiệm của Ban Cán sự lớp

1. Ban Cán sự lớp gồm Lớp trưởng, Lớp phó, Bí thư Chi đoàn và các ủy viên do tập thể lớp bầu vào đầu khóa và được kiện toàn hằng năm; được Trưởng khoa công nhận.

2. Ban Cán sự lớp có trách nhiệm: phổ biến các thông báo của Trường, Khoa đến từng sinh viên; tổ chức sinh hoạt lớp định kỳ; theo dõi việc thực hiện nội quy, quy chế của sinh viên; tham gia bình xét rèn luyện, khen thưởng, kỷ luật sinh viên; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của tập thể lớp với giảng viên chủ nhiệm lớp, Khoa, Trường.

Chương IV
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 28. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện

1. Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá về trách nhiệm, tinh thần và thái độ rèn luyện phẩm chất của sinh viên trong thời gian học tập tại Trường.

2. Việc đánh giá phải bảo đảm khách quan, công bằng, công khai, minh bạch, dân chủ; có cơ chế ghi nhận đặc thù hoạt động nghệ thuật của sinh viên Trường thông qua bảng quy đổi tại Phụ lục IIA Quy chế này.

3. Sinh viên có quyền tham gia tự đánh giá; được biết kết quả đánh giá; được quyền khiếu nại, kiến nghị về kết quả đánh giá theo quy định tại Điều 33 Quy chế này.

Điều 29. Nội dung, thang điểm và tiêu chí đánh giá

Điểm rèn luyện của sinh viên được đánh giá theo thang điểm 100, phân bổ cho 05 tiêu chí cụ thể như sau:

1. Trách nhiệm chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế của Nhà trường (tối đa 25 điểm):

a) Chấp hành các quy định của pháp luật đối với công dân; các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (10 điểm);

b) Chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác của Trường (15 điểm).

2. Trách nhiệm, tinh thần và thái độ trong học tập (tối đa 20 điểm):

a) Trách nhiệm và thái độ tham gia các hoạt động học tập chính khóa, thực hành chuyên môn nghệ thuật, hoạt động nghiên cứu khoa học (13 điểm);

b) Trách nhiệm và tinh thần tham gia các kỳ thi, cuộc thi học thuật, thi tốt nghiệp, biểu diễn báo cáo (5 điểm);

c) Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập và sáng tạo nghệ thuật (2 điểm).

3. Trách nhiệm tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội (tối đa 20 điểm):

a) Trách nhiệm và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao trong và ngoài trường tổ chức (10 điểm);

b) Trách nhiệm tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội, các chương trình biểu diễn phục vụ cộng đồng (5 điểm);

c) Tham gia tuyên truyền phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, đặc biệt trong môi trường nghệ thuật (5 điểm).

4. Trách nhiệm công dân trong quan hệ cộng đồng (tối đa 15 điểm):

a) Tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng; lan tỏa giá trị văn hóa, đạo đức tích cực trên không gian mạng (8 điểm);

b) Trách nhiệm tham gia các hoạt động xã hội được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng (7 điểm).

5. Trách nhiệm và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, công tác đoàn thể, các tổ chức khác của Trường hoặc có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện, hoạt động nghệ thuật được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng (tối đa 20 điểm):

a) Trách nhiệm, hiệu quả công việc của sinh viên được phân công nhiệm vụ Ban Cán sự lớp, cán bộ Đoàn Thanh niên, các tổ chức khác của Trường (10 điểm);

b) Hỗ trợ và tham gia tích cực các hoạt động chung của lớp, Khoa, Trường (5 điểm);

c) Có thành tích trong nghiên cứu khoa học, tham gia các cuộc thi học thuật, hoạt động khởi nghiệp; có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghệ thuật chuyên ngành (đóng phim, đóng vở, biểu diễn, sáng tác, triển lãm, giải thưởng nghệ thuật) được quy đổi theo Phụ lục IIA Quy chế này (5 điểm).

Điều 30. Quy đổi hoạt động nghệ thuật vào điểm rèn luyện

1. Sinh viên có hoạt động nghệ thuật chuyên môn được Trường, Khoa xác nhận hoặc có minh chứng hợp pháp, được quy đổi điểm cộng vào tiêu chí 5 (Điều 29 Quy chế này) theo bảng tại Phụ lục IIA Quy chế này.

2. Nguyên tắc quy đổi:

a) Chỉ quy đổi đối với hoạt động đã được xác nhận, có minh chứng đầy đủ và phù hợp với chuyên ngành đào tạo;

b) Một hoạt động chỉ được quy đổi một lần; nếu được nhiều giải thưởng cho cùng một tác phẩm, lấy mức cao nhất;

c) Tổng điểm cộng quy đổi không làm vượt quá tổng khung điểm của tiêu chí 5 và không làm vượt quá 100 điểm tổng;

d) Hoạt động phải bảo đảm tính lành mạnh, đúng pháp luật, không vi phạm đạo đức nghề nghiệp nghệ sĩ; nếu phát hiện vi phạm thì điểm quy đổi bị hủy và sinh viên có thể bị xem xét xử lý kỷ luật.

Điều 31. Xếp loại, kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện của sinh viên được phân thành 05 loại: Loại xuất sắc, loại tốt, loại khá, loại trung bình và loại yếu.

a) Loại xuất sắc: từ 90 đến 100 điểm;

b) Loại tốt: từ 80 đến dưới 90 điểm;

c) Loại khá: từ 70 đến dưới 80 điểm;

d) Loại trung bình: từ 50 đến dưới 70 điểm;

đ) Loại yếu: dưới 50 điểm.

2. Sinh viên bị kỷ luật ở mức khiển trách thì kết quả rèn luyện học kỳ tương ứng không vượt quá loại khá. Sinh viên bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên thì kết quả rèn luyện không vượt quá loại trung bình.

3. Sinh viên đang ngừng học hoặc đang bị đình chỉ học tập có thời hạn không được đánh giá rèn luyện trong thời gian ngừng học hoặc bị đình chỉ; sinh viên bị buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.

4. Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập. Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy thuộc vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung;

5. Sinh viên học đồng thời hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại đơn vị quản lý chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của đơn vị quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì đơn vị quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên;

6. Sinh viên chuyển trường được bảo lưu kết quả rèn luyện ở trường cũ và tiếp tục đánh giá kết quả rèn luyện ở trường mới. Sinh viên chuyển trường từ nước ngoài về sẽ chỉ thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện với các kỳ học tại Việt Nam và bảo lưu đánh giá ở trường cũ (nếu có);

7. Sinh viên tham gia trao đổi với cơ sở giáo dục ở nước ngoài do nhà trường cử đi với thời gian từ ½ học kỳ trở lên sẽ đánh giá kết quả rèn luyện theo quy đổi của nhà trường với cơ sở giáo dục nước ngoài.

8. Thời gian đánh giá và cách tính điểm:

a) Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành theo học kỳ, năm học và toàn khóa học;

b) Điểm rèn luyện của sinh viên trong kỳ học là tổng số điểm đạt được theo các tiêu chí, nội dung đánh giá quy định. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các kỳ học trong năm học đó. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện của các năm học.

Điều 32. Hội đồng đánh giá và quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Tổ chức Hội đồng đánh giá theo 03 cấp:

a) Cấp lớp: do giảng viên chủ nhiệm lớp chủ trì, gồm Ban Cán sự lớp và toàn thể sinh viên trong lớp;

b) Cấp Khoa: do Trưởng khoa chủ trì, gồm Phó Trưởng khoa, cán bộ phụ trách công tác sinh viên Khoa, đại diện giảng viên chủ nhiệm lớp, đại diện Đoàn Thanh niên;

c) Cấp Trường: do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được ủy quyền làm Chủ tịch; Trưởng phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên làm Thường trực; thành viên gồm đại diện các phòng chức năng, các khoa, Đoàn Thanh niên.

2. Quy trình đánh giá theo các bước:

a) Bước 1 - Tự đánh giá: sinh viên tự đánh giá trên Cổng dịch vụ sinh viên, kèm minh chứng (chậm nhất 07 ngày sau khi kết thúc học kỳ), Phụ lục IIB;

b) Bước 2 - Đánh giá cấp lớp: giảng viên chủ nhiệm lớp chủ trì họp lớp, thông qua kết quả tự đánh giá của từng sinh viên;

c) Bước 3 - Đánh giá cấp Khoa: Hội đồng cấp Khoa rà soát, kết luận đối với toàn bộ sinh viên thuộc Khoa quản lý;

d) Bước 4 - Đánh giá cấp Trường: Hội đồng cấp Trường xem xét, quyết định đối với các trường hợp khiếu nại, đặc biệt; tổng hợp, công bố kết quả chung toàn Trường;

đ) Bước 5 - Thông báo và công khai: kết quả rèn luyện phải được thông báo cho sinh viên ít nhất 05 ngày trước khi Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận chính thức.

3. Kết quả rèn luyện được lưu trong hồ sơ sinh viên và thể hiện trong bảng điểm kết quả học tập khi kết thúc khóa học; là căn cứ để xét cấp học bổng khuyến khích học tập, xét khen thưởng và các chế độ khác liên quan đến quyền lợi của sinh viên. Kết quả rèn luyện xuất sắc được nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

Điều 33. Khiếu nại, kiến nghị về kết quả đánh giá rèn luyện

1. Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả rèn luyện, sinh viên có quyền gửi đơn khiếu nại, kiến nghị qua Cổng dịch vụ sinh viên hoặc bằng văn bản đến giảng viên chủ nhiệm lớp (đối với khiếu nại cấp lớp), Trưởng khoa (đối với khiếu nại cấp Khoa) hoặc Trưởng phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên (đối với khiếu nại cấp Trường).

2. Người có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, trả lời khiếu nại trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn. Trường hợp cần xác minh thêm thì thời hạn không quá 20 ngày làm việc và phải thông báo cho sinh viên.

3. Trường hợp sinh viên không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại cấp Khoa, có quyền khiếu nại lên Hội đồng đánh giá cấp Trường. Kết quả giải quyết khiếu nại của Hội đồng cấp Trường là kết quả cuối cùng trong nội bộ Trường.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 34. Nguyên tắc khen thưởng và kỷ luật

1. Khen thưởng và kỷ luật thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT và phải bảo đảm nguyên tắc: khách quan, công khai, minh bạch, nghiêm minh, đúng pháp luật, có tính giáo dục; không xâm phạm thân thể, tinh thần, danh dự, nhân phẩm của sinh viên trong quá trình xử lý.

2. Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần bằng một hình thức kỷ luật. Trường hợp sinh viên có nhiều hành vi vi phạm trong cùng thời điểm xem xét thì kết luận về từng hành vi và quyết định chung bằng hình thức kỷ luật cao nhất tương ứng.

3. Chưa xem xét kỷ luật đối với sinh viên đang trong thời gian nghỉ nghỉ điều trị bệnh (có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền); nghỉ học được sự đồng ý của Trường; chờ kết quả của cơ quan có thẩm quyền điều tra, xác minh hành vị vi phạm pháp luật.

4. Việc xem xét kỷ luật phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm; nguyên nhân vi phạm; chứng cứ thu nhận được; thái độ nhận lỗi và sửa chữa vi phạm, khắc phục hậu quả đã gây ra. Sinh viên bị xem xét kỷ luật có quyền tham dự họp xét kỷ luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân.

5. Sinh viên đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật mà tiếp tục có hành vi vi phạm thì áp dụng hình thức kỷ luật theo quy định tại khoản 6 Điều 19 Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT.

Điều 35. Khen thưởng sinh viên

1. Đối tượng khen thưởng:

a) Sinh viên cá nhân và tập thể sinh viên có thành tích trong học tập, rèn luyện;

b) Sinh viên đạt giải thưởng nghệ thuật chuyên ngành cấp Trường, cấp Bộ, cấp quốc gia, cấp khu vực và cấp quốc tế;

c) Sinh viên có hành động dũng cảm, có công bảo vệ tài sản công, bảo vệ tính mạng, sức khỏe và danh dự của người khác;

d) Sinh viên có đóng góp xuất sắc trong các hoạt động tình nguyện, công tác xã hội, đặc biệt là các chương trình biểu diễn phục vụ cộng đồng.

2. Hình thức khen thưởng theo kết quả học tập, rèn luyện gồm: Sinh viên giỏi (kết quả học tập đạt loại giỏi, rèn luyện đạt loại tốt trở lên); Sinh viên xuất sắc (kết quả học tập và rèn luyện đều đạt loại xuất sắc) và Sinh viên Xuất sắc toàn khóa.

3. Hình thức khen thưởng đặc thù của Trường (do Hiệu trưởng quyết định):

a) Danh hiệu "Tài năng nghệ thuật sinh viên Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội" trao hằng năm cho sinh viên có thành tích nghệ thuật xuất sắc;

b) Bằng khen của Hiệu trưởng cho sinh viên đoạt giải tại các liên hoan, hội diễn, cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp;

c) Tuyên dương tại Lễ khai giảng, Lễ tốt nghiệp và các sự kiện lớn của Trường.

4. Trường đề nghị các cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với sinh viên có thành tích đặc biệt xuất sắc theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

5. Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên chủ trì tham mưu công tác khen thưởng sinh viên; phối hợp Phòng Hành chính, Tổng hợp trong việc tổ chức, công bố các quyết định khen thưởng.

Điều 36. Các hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật

1. Các hành vi vi phạm bị xem xét xử lý kỷ luật gồm:

a) Các hành vi bị nghiêm cấm trong cơ sở giáo dục quy định tại Luật Giáo dục;

b) Các hành vi vi phạm Quy chế tổ chức và hoạt động, nội quy, quy chế, quy tắc, quy định của Trường;

c) Các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan trực tiếp đến môi trường giáo dục, quyền và lợi ích hợp pháp của sinh viên, viên chức, người lao động và hoạt động của Trường.

2. Các hành vi vi phạm đặc thù trong môi trường đào tạo nghệ thuật được xác định cụ thể như sau:

a) Phát ngôn, đăng tải nội dung trên không gian mạng có tính chất sai sự thật, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của tổ chức, cá nhân; trái với chủ trương, đường lối của Đảng,

chính sách, pháp luật của Nhà nước; gây ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của Trường, của ngành nghệ thuật Việt Nam;

b) Vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan; đạo nhái tác phẩm, sản phẩm nghệ thuật trong học tập và sáng tạo;

c) Sử dụng, lan truyền hoặc tham gia sản xuất hình ảnh, video, sản phẩm nghệ thuật có nội dung phản cảm, đồi trụy, kích động bạo lực, mê tín dị đoan, trái với thuần phong mỹ tục và bản sắc văn hóa dân tộc;

d) Có hành vi gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, hình ảnh của Trường trong quá trình tham gia hoạt động nghệ thuật ngoài Trường;

đ) Sử dụng trái phép chất ma túy, chất kích thích bị cấm; sử dụng rượu, bia, thuốc lá trong khuôn viên Trường và tại các địa điểm thực hành nghệ thuật do Trường tổ chức;

e) Vi phạm đạo đức nghề nghiệp nghệ sĩ: ép buộc, lợi dụng, lừa đảo trong các quan hệ thầy - trò, bạn bè, đồng nghiệp tương lai; có hành vi quấy rối, xâm hại tình dục;

g) Lợi dụng danh nghĩa sinh viên Trường để trục lợi cá nhân, lừa đảo, quảng cáo trá hình hoặc tham gia các hoạt động trái pháp luật khác;

h) Gian lận trong học tập, thi cử, đánh giá rèn luyện; làm giả giấy tờ, tài liệu của Trường;

i) Đánh nhau, gây rối an ninh trật tự trong khuôn viên Trường hoặc tại các địa điểm Trường tổ chức hoạt động;

k) Trộm cắp, đánh bạc, cho vay nặng lãi và các tệ nạn xã hội khác.

Điều 37. Mức độ của hành vi vi phạm

Mức độ của hành vi vi phạm được xác định theo 04 mức:

1. Mức độ 1: vi phạm có tính chất, mức độ tác hại không lớn, tác động trong phạm vi của một lớp.

2. Mức độ 2: vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, tác động trong phạm vi nhiều lớp, Khoa, gây dư luận xấu trong nội bộ Trường hoặc ngoài Trường.

3. Mức độ 3: vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, phạm vi tác động ngoài Trường, gây dư luận bức xúc trong tập thể nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, sinh viên của Trường, làm ảnh hưởng đến uy tín của Trường.

4. Mức độ 4: vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại đặc biệt lớn, phạm vi tác động đến toàn xã hội, gây dư luận rất bức xúc trong tập thể nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, sinh viên của Trường, làm ảnh hưởng đến uy tín của Nhà trường.

Điều 38. Hình thức kỷ luật và áp dụng hình thức kỷ luật

1. Các hình thức kỷ luật áp dụng đối với sinh viên gồm:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Đình chỉ học tập có thời hạn;

d) Buộc thôi học.

2. Áp dụng hình thức kỷ luật:

a) Khiển trách: đối với sinh viên có hành vi vi phạm mức độ 1;

b) Cảnh cáo: đối với sinh viên đang bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách mà tái phạm hoặc có hành vi vi phạm lần đầu với mức độ 2;

c) Đình chỉ học tập có thời hạn: đối với sinh viên đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo mà tái phạm hoặc có hành vi vi phạm lần đầu với mức độ 3. Thời hạn đình chỉ do Hiệu trưởng quyết định, không quá 12 tháng (hoặc 01 năm học);

d) Buộc thôi học: đối với sinh viên đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức đình chỉ học tập có thời hạn mà tái phạm hoặc có hành vi vi phạm lần đầu với mức độ 4 .

3. Hiệu trưởng ban hành Danh mục hành vi vi phạm và mức độ kỷ luật áp dụng (Phụ lục III Quy chế này) làm căn cứ thống nhất xử lý kỷ luật trong toàn Trường.

Điều 39. Trình tự, thủ tục và hồ sơ xử lý kỷ luật

1. Trình tự xử lý kỷ luật áp dụng đối với các trường hợp không thuộc trường hợp kỷ luật rút gọn:

a) Bước 1: Sinh viên có hành vi vi phạm làm bản tự kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật;

b) Bước 2: Giảng viên chủ nhiệm lớp (hoặc cá nhân được giao phụ trách công tác sinh viên) chủ trì họp với Ban Cán sự lớp, phân tích và thống nhất đề nghị hình thức kỷ luật, gửi Khoa và Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên;

c) Bước 3: Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên tổ chức họp, xem xét và có văn bản báo cáo Hiệu trưởng đề nghị thành lập Hội đồng kỷ luật;

d) Bước 4: Chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thành lập, Hội đồng kỷ luật tổ chức họp xét. Thành phần dự họp gồm: thành viên Hội đồng kỷ luật, đại diện tập thể lớp có sinh viên vi phạm, sinh viên vi phạm, đại diện các đơn vị, cá nhân khác có liên quan. Sinh viên vi phạm được mời mà không đến dự họp, không có lý do chính đáng hoặc không có bản tự kiểm điểm thì Hội đồng kỷ luật vẫn tiến hành họp và xét thêm khuyết điểm thiếu ý thức tổ chức kỷ luật. Hội đồng bỏ phiếu kín, kiến nghị hình thức kỷ luật trình Hiệu trưởng quyết định;

đ) Bước 5: Hiệu trưởng xem xét, ban hành quyết định kỷ luật.

2. Hồ sơ xử lý kỷ luật gồm:

a) Bản tự kiểm điểm của sinh viên có hành vi vi phạm;

b) Biên bản họp kiểm điểm sinh viên tại lớp;

c) Văn bản đề nghị của Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên;

d) Biên bản họp Hội đồng kỷ luật và phiếu bỏ phiếu kín;

đ) Các tài liệu, chứng cứ khác có liên quan;

e) Quyết định kỷ luật của Hiệu trưởng.

3. Hiệu trưởng có thể ra quyết định kỷ luật mà không phải thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, hồ sơ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này (sau đây gọi là kỷ luật theo trình tự rút gọn) khi hội đủ 04 điều kiện sau đây:

a) Hành vi vi phạm đã có quy định cụ thể về hình thức kỷ luật tại Phụ lục III Quy chế này;

b) Có đủ căn cứ, chứng cứ xác định rõ hành vi vi phạm;

c) Vụ việc không có tình tiết phức tạp, không cần xác minh bổ sung;

d) Hình thức kỷ luật dự kiến áp dụng không phải là đình chỉ học tập có thời hạn hoặc buộc thôi học.

đ) Hồ sơ kỷ luật theo trình tự rút gọn gồm: bản tự kiểm điểm của sinh viên (nếu có), văn bản đề nghị của Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên kèm chứng cứ, quyết định kỷ luật của Hiệu trưởng. Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên hoàn tất hồ sơ trình Hiệu trưởng trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm.

4. Hội đồng kỷ luật sinh viên của Trường có thể được thành lập theo cơ chế phân công thường xuyên trong năm học; thời hạn 10 ngày quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được tính từ ngày Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét kỷ luật.

Điều 40. Hội đồng kỷ luật sinh viên

1. Thành phần Hội đồng kỷ luật sinh viên do Hiệu trưởng quyết định thành lập theo từng vụ việc, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền;

b) Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên;

c) Các ủy viên: Trưởng khoa quản lý sinh viên vi phạm; Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp; đại diện Đoàn Thanh niên; giảng viên chủ nhiệm lớp có sinh viên vi phạm và các thành viên khác do Hiệu trưởng quyết định.

2. Hội đồng kỷ luật hoạt động theo từng vụ việc hoặc theo quyết định phân công thường xuyên của Hiệu trưởng trong năm học, tự kết thúc nhiệm vụ sau khi hoàn thành việc xét kỷ luật đối với vụ việc được giao.

Điều 41. Thời hiệu, hiệu lực của quyết định kỷ luật và phục hồi quyền lợi sinh viên

1. Thời hiệu xử lý kỷ luật là 12 tháng đối với hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách; không áp dụng thời hiệu đối với các hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trở lên.

2. Hiệu lực của quyết định kỷ luật tính từ ngày ban hành. Quyết định kỷ luật phải ghi cụ thể hình thức, thời hạn có hiệu lực, lý do kỷ luật và các quyền lợi mà sinh viên không được hưởng trong thời gian kỷ luật.

3. Quyết định kỷ luật hết hiệu lực trong các trường hợp:

a) Sau 03 tháng kể từ ngày ban hành quyết định kỷ luật khiển trách mà sinh viên không có hành vi vi phạm đến mức bị kỷ luật;

b) Sau 06 tháng kể từ ngày ban hành quyết định kỷ luật cảnh cáo mà sinh viên không có hành vi vi phạm đến mức bị kỷ luật;

c) Sinh viên bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo đã thực hiện 1/3 thời hạn kỷ luật và lập thành tích, được cá nhân, tổ chức, cơ quan có thẩm quyền công nhận thì được Hội đồng kỷ luật xem xét chấm dứt hiệu lực trước thời hạn.

4. Hết thời hạn đình chỉ học tập có thời hạn mà sinh viên không tái phạm thì Hiệu trưởng quyết định tiếp nhận lại sinh viên; Khoa và Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên hoàn tất thủ tục, hỗ trợ tâm lý, lập kế hoạch học bù để sinh viên sớm hòa nhập trở lại.

5. Sinh viên đã chấp hành xong hình thức kỷ luật và hết thời hiệu được khôi phục đầy đủ các quyền lợi sinh viên; quyết định kỷ luật được lưu trong hồ sơ sinh viên nhưng không được sử dụng để làm căn cứ đánh giá tiêu cực sinh viên trong giai đoạn sau khi hết hiệu lực.

Điều 42. Khiếu nại đối với quyết định kỷ luật

1. Sinh viên bị kỷ luật có quyền khiếu nại quyết định kỷ luật theo quy định của pháp luật về khiếu nại. Đơn khiếu nại gửi Hiệu trưởng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.

2. Hiệu trưởng có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại trong vòng 30 ngày làm việc; trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 45 ngày làm việc và phải thông báo cho sinh viên.

3. Trường hợp sinh viên không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu, có quyền khiếu nại lên cơ quan có thẩm quyền cấp trên hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

Chương VI

CÔNG TÁC BẢO ĐẢM AN NINH, AN TOÀN TRƯỜNG HỌC

Điều 43. Nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn

1. Trường xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy định, chương trình, kế hoạch và báo cáo tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo về công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn trường học trong sinh viên theo quy định của pháp luật.

2. Trường thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình sinh viên để có biện pháp quản lý, tuyên truyền, giáo dục, xử lý kịp thời hoặc phối hợp với cơ quan chức năng để chủ động phòng ngừa, xử lý kịp thời các vụ việc về an ninh trật tự, an toàn trường học theo quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Trường với cơ quan công an địa phương, chính quyền sở tại, đơn vị y tế và các cơ quan chức năng có liên quan.

4. Phòng Hành chính, Tổng hợp là đầu mối tham mưu công tác an ninh, an toàn trường học; phối hợp với Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên trong các nội dung liên quan đến sinh viên.

Điều 44. An toàn tại trường quay, sân khấu thực hành, phòng dựng và các địa điểm thực hành nghệ thuật

1. Trường ban hành Nội quy an toàn riêng đối với các địa điểm thực hành nghệ thuật đặc thù, bao gồm:

a) Trường quay phim, trường quay truyền hình;

b) Sân khấu thực hành các loại hình biểu diễn;

c) Phòng dựng phim, phòng dựng âm thanh, phòng dựng hậu kỳ;

d) Phòng tập múa, phòng tập diễn xuất;

đ) Phòng chụp ảnh, phòng tối, xưởng thiết kế mỹ thuật.

2. Yêu cầu chung về an toàn:

a) Bố trí cán bộ kỹ thuật phụ trách an toàn tại từng địa điểm; bảo đảm thiết bị phòng cháy chữa cháy, sơ cấp cứu;

b) Sinh viên phải được tập huấn an toàn lao động trước khi sử dụng thiết bị chuyên dụng (đèn, máy quay, máy chiếu, hệ thống điện sân khấu, dụng cụ dàn dựng, vật liệu thiết kế mỹ thuật);

c) Có quy định bắt buộc về trang phục, dụng cụ bảo hộ phù hợp với từng loại hình thực hành;

d) Báo cáo ngay tai nạn, sự cố cho cán bộ phụ trách và Phòng Hành chính, Tổng hợp.

3. Sinh viên có trách nhiệm chấp hành tuyệt đối nội quy an toàn; nghiêm cấm tự ý vận hành thiết bị khi chưa được tập huấn hoặc không có sự giám sát.

4. Phòng Hành chính, Tổng hợp chủ trì, phối hợp các Khoa chuyên môn quản lý, sử dụng địa điểm thực hành nghệ thuật xây dựng, tổ chức thực hiện Nội quy an toàn quy định tại Điều này.

Điều 45. Phòng, chống quấy rối, xâm hại trong môi trường nghệ thuật

1. Trường nghiêm cấm tuyệt đối mọi hình thức quấy rối tình dục, quấy rối tinh thần, lạm dụng, xâm hại đối với sinh viên trong quá trình học tập, thực hành nghệ thuật, hoạt động đoàn thể và trong các quan hệ thầy - trò, bạn bè.

2. Trường ban hành Quy tắc ứng xử phòng, chống quấy rối, xâm hại trong cơ sở giáo dục nghệ thuật; tổ chức tập huấn định kỳ cho viên chức, người lao động và sinh viên.

3. Trường thành lập Tổ Tiếp nhận và xử lý thông tin về quấy rối, xâm hại (Tổ phản ứng nhanh) thuộc Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên, bao gồm thành phần nữ; bảo đảm:

a) Tiếp nhận thông tin qua đa kênh: trực tiếp, đường dây nóng, email, biểu mẫu trực tuyến ẩn danh trên Cổng dịch vụ sinh viên;

b) Bảo mật tuyệt đối danh tính người báo tin;

c) Phản hồi và bắt đầu xử lý trong vòng 24 giờ; xác minh, kết luận, đề xuất biện pháp xử lý trong vòng 15 ngày làm việc;

d) Bảo vệ người báo tin, nhân chứng khỏi mọi hình thức trù dập, trả thù.

4. Trường có cơ chế bảo vệ đặc biệt đối với sinh viên ngành diễn viên, người mẫu, múa, ca sĩ - những đối tượng có nguy cơ cao bị lạm dụng hình ảnh, lạm dụng tình dục trong môi trường nghệ thuật.

Điều 46. Phòng, chống bạo lực học đường

1. Trường tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phòng ngừa các hành vi bạo lực học đường, bao gồm bạo lực thể chất, bạo lực tinh thần, bạo lực mạng.

2. Trường có biện pháp xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ việc bạo lực học đường theo quy định của pháp luật và Quy chế này; bảo đảm hỗ trợ tâm lý cho nạn nhân và người liên quan.

Điều 47. Kênh phản ánh khẩn cấp

1. Trường công bố công khai số điện thoại đường dây nóng 24/7 và địa chỉ email khẩn cấp tiếp nhận thông tin về các vụ việc đe dọa an ninh, an toàn của sinh viên.

2. Cán bộ trực đường dây nóng có trách nhiệm tiếp nhận thông tin, thông báo ngay đến lãnh đạo Trường và các đơn vị có liên quan; phối hợp với cơ quan công an, y tế khi cần thiết.

Điều 48. Bảo vệ dữ liệu cá nhân sinh viên

1. Trường có trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân của sinh viên theo quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Hiệu trưởng ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ dữ liệu cá nhân sinh viên, trong đó quy định cụ thể: mục đích thu thập, phạm vi sử dụng, thời hạn lưu trữ, quyền của sinh viên, trách nhiệm của các đơn vị, biện pháp kỹ thuật và tổ chức bảo vệ dữ liệu, quy trình xử lý sự cố dữ liệu. Danh mục tài sản trí tuệ số được bảo hộ theo Quy chế này bao gồm: bài giảng điện tử, học liệu số, cơ sở dữ liệu, phần mềm và mã nguồn thuộc sở hữu của Nhà trường và giảng viên. Quy chế phải quy định rõ quy trình xử lý sự cố rò rỉ dữ liệu và chế độ thông báo trong thời hạn 72 giờ kể từ khi phát hiện sự cố; Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên phối hợp với Khoa Kiến thức cơ bản xây dựng quy trình xử lý sự cố dữ liệu chi tiết, ban hành kèm theo Quy chế dưới dạng Phụ lục kỹ thuật.

3. Nghiêm cấm việc thu thập, sử dụng, công khai dữ liệu cá nhân sinh viên không đúng mục đích, không có sự đồng ý của sinh viên (trừ trường hợp pháp luật cho phép); nghiêm cấm việc lạm dụng vị trí công tác để khai thác dữ liệu cá nhân sinh viên cho mục đích cá nhân.

4. Phân quyền truy cập Dashboard quản trị sinh viên và Hồ sơ sinh viên điện tử được thực hiện theo nguyên tắc tối thiểu hóa dữ liệu (data minimization):

a) Giảng viên bộ môn chỉ được cấp quyền tiếp cận các trường dữ liệu cần thiết phục vụ trực tiếp cho việc giảng dạy lớp học phần được giao; không được truy cập dữ liệu về sức khỏe, hoàn cảnh gia đình, kết quả rèn luyện toàn khóa hoặc thông tin tư vấn tâm lý của sinh viên;

b) Hệ thống kỹ thuật phải tích hợp cơ chế kiểm soát truy cập theo vai trò (Role-Based Access Control - RBAC), ghi nhật ký truy cập và cảnh báo tự động khi phát hiện truy vấn bất thường, nhằm bảo vệ giảng viên khỏi rủi ro vô tình vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân của sinh viên; nhật ký truy cập phải được lưu trữ tối thiểu 12 tháng kể từ thời điểm ghi nhận và được kiểm tra định kỳ ít nhất 02 lần/năm bởi bộ phận kỹ thuật được Hiệu trưởng phân công;

c) Hiệu trưởng ban hành Ma trận phân quyền truy cập dữ liệu sinh viên kèm theo quy định về trách nhiệm pháp lý và quy trình xử lý sự cố dữ liệu; tổ chức tập huấn bắt buộc cho toàn bộ viên chức và người lao động có quyền truy cập hệ thống trước khi hệ thống vận hành chính thức.

Chương VII
CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC SINH VIÊN

Điều 49. Nguyên tắc và mục tiêu chuyển đổi số trong công tác sinh viên

1. Chuyển đổi số trong công tác sinh viên được triển khai đồng bộ, có lộ trình, lấy người sinh viên làm trung tâm, lấy dữ liệu làm nền tảng, lấy nền tảng số làm phương thức vận hành.

2. Mục tiêu đến năm 2030:

a) 100% hồ sơ sinh viên được số hóa và quản lý trên hệ thống điện tử;

b) 100% thủ tục hành chính đối với sinh viên được cung cấp trực tuyến mức độ 4 trên Cổng dịch vụ sinh viên;

c) 100% việc đánh giá kết quả rèn luyện được thực hiện trên hệ thống điện tử;

d) Trường có Dashboard quản trị sinh viên thời gian thực phục vụ ra quyết định quản trị;

đ) Trường kết nối được với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống thông tin quản lý của ngành Giáo dục.

Điều 50. Hồ sơ sinh viên điện tử (e-Student Profile)

1. Mỗi sinh viên có một hồ sơ điện tử cá nhân chứa toàn bộ dữ liệu về quá trình học tập, rèn luyện, hoạt động nghệ thuật, khen thưởng, kỷ luật, sức khỏe.

2. Sinh viên được cấp tài khoản truy cập hồ sơ điện tử cá nhân; có quyền xem, đề nghị chỉnh sửa thông tin theo quy định.

3. Hồ sơ sinh viên điện tử là cơ sở để cấp các giấy xác nhận, văn bằng, chứng chỉ điện tử có chữ ký số của Trường.

4. Quyền truy cập Hồ sơ sinh viên điện tử được phân cấp theo chức năng và nhiệm vụ: sinh viên được toàn quyền xem hồ sơ của bản thân và đề nghị chỉnh sửa; giảng viên

bộ môn chỉ được truy cập dữ liệu liên quan trực tiếp đến lớp học phần được giao giảng dạy; giảng viên chủ nhiệm lớp được truy cập dữ liệu học tập, rèn luyện và thông tin liên lạc của sinh viên lớp phụ trách; cán bộ quản lý và lãnh đạo đơn vị được phân quyền theo phạm vi quản lý. Hệ thống kỹ thuật bảo đảm cơ chế ngăn chặn truy cập vượt quyền và ghi nhật ký toàn bộ hoạt động truy xuất dữ liệu; nhật ký được lưu trữ tối thiểu 12 tháng và kiểm tra định kỳ theo quy định tại Điều 49 Quy chế này.

Điều 51. Cổng dịch vụ sinh viên

1. Cổng dịch vụ sinh viên (Student Service Portal) là một thành phần của Cổng thông tin điện tử Trường, cung cấp đầy đủ các dịch vụ trực tuyến quy định tại Điều 22 Quy chế này.

2. Cổng dịch vụ sinh viên bảo đảm: tiếp cận đa nền tảng (web, mobile); xác thực tài khoản qua tài khoản định danh điện tử (VNeID) hoặc tài khoản sinh viên; tích hợp ký số sinh viên (nếu có); ghi nhật ký giao dịch điện tử.

Điều 52. Chấm điểm rèn luyện trực tuyến

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện được thực hiện trên hệ thống chấm điểm rèn luyện trực tuyến tích hợp với Cổng dịch vụ sinh viên.

2. Hệ thống hỗ trợ:

a) Sinh viên tự đánh giá, đính kèm minh chứng số (hình ảnh, văn bản, đường dẫn sản phẩm nghệ thuật trên các nền tảng);

b) Giảng viên chủ nhiệm lớp, Hội đồng đánh giá các cấp thực hiện đánh giá trực tuyến;

c) Tự động tổng hợp, tính điểm, xếp loại theo thuật toán đã được cấu hình;

d) Tự động quy đổi hoạt động nghệ thuật theo Phụ lục IIA Quy chế này;

đ) Cảnh báo các trường hợp có nguy cơ rèn luyện yếu để giảng viên chủ nhiệm lớp can thiệp sớm.

Điều 53. Dashboard quản trị sinh viên

1. Trường xây dựng và vận hành Dashboard quản trị sinh viên dành cho lãnh đạo Trường và các đơn vị, hiển thị các chỉ số quản trị (KPI) chủ yếu:

a) Số lượng, cơ cấu sinh viên theo Khoa, năm học, đối tượng;

b) Phân bố kết quả rèn luyện, kết quả học tập;

c) Tình hình khen thưởng, kỷ luật;

d) Tình hình sinh viên thuộc diện cảnh báo (rèn luyện yếu, sức khỏe, tâm lý, hoàn cảnh khó khăn);

đ) Tình hình tham gia hoạt động nghệ thuật và bồi dưỡng tài năng;

e) Tình hình giải quyết thủ tục hành chính sinh viên.

2. Dashboard được cập nhật theo thời gian thực hoặc theo định kỳ phù hợp với từng nhóm dữ liệu; là công cụ phục vụ trực tiếp công tác quản trị, ra quyết định và phục vụ kiểm định chất lượng giáo dục.

3. Quyền truy cập Dashboard được phân cấp theo chức năng quản lý: Hiệu trưởng và lãnh đạo Trường được truy cập toàn bộ dữ liệu tổng hợp; Trưởng các đơn vị được truy cập dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của đơn vị; viên chức thực hiện nhiệm vụ công tác sinh viên được truy cập các trường dữ liệu phục vụ trực tiếp nhiệm vụ được giao. Giảng viên bộ môn không có quyền truy cập Dashboard quản trị sinh viên, trừ các chỉ số tổng hợp thuần túy phục vụ giảng dạy lớp học phần được giao. Hệ thống kỹ thuật tích hợp cơ chế bảo mật tự động, ghi nhật ký truy cập tối thiểu 12 tháng và kiểm tra định kỳ theo quy định tại Điều 49 Quy chế này, nhằm bảo vệ giảng viên khỏi rủi ro vô tình vi phạm dữ liệu cá nhân của sinh viên.

Điều 54. Kết nối cơ sở dữ liệu

Trường có trách nhiệm kết nối Cơ sở dữ liệu sinh viên của Trường với: Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ quản lý cư trú, định danh; Hệ thống thông tin quản lý của ngành Giáo dục phục vụ báo cáo, công nhận văn bằng, chứng chỉ; Hệ thống thông tin của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các hệ thống thông tin khác theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Số hóa quy trình

1. Tất cả các quy trình nghiệp vụ công tác sinh viên phải được mô tả, chuẩn hóa và thiết kế lại theo hướng số hóa, gồm: quy trình tiếp nhận sinh viên; quy trình cấp giấy xác nhận; quy trình đánh giá rèn luyện; quy trình xử lý kỷ luật; quy trình tiếp nhận và xử lý phản ánh - kiến nghị; quy trình xét học bổng.

2. Việc số hóa quy trình phải bảo đảm: rõ trách nhiệm từng bước, thời gian xử lý, chỉ số đo lường hiệu quả, có cơ chế đối soát và kiểm toán nội bộ.

Chương VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 56. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm toàn diện trong việc triển khai Quy chế này; chỉ đạo, tổ chức quản lý các hoạt động; bố trí nguồn lực bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác sinh viên.

2. Quyết định thành lập các Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện, Hội đồng kỷ luật, các Tổ công tác liên quan đến công tác sinh viên.

3. Ban hành các quyết định khen thưởng, kỷ luật sinh viên theo thẩm quyền.

4. Hằng năm, tổ chức đối thoại trực tiếp với sinh viên để cung cấp thông tin, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và giải quyết kịp thời những thắc mắc, nhu cầu chính đáng của sinh viên.

5. Báo cáo Đảng ủy Trường và cơ quan quản lý cấp trên về công tác sinh viên theo quy định.

Điều 57. Trách nhiệm của Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên

1. Là đơn vị đầu mối tham mưu, tổ chức thực hiện công tác sinh viên trong toàn

Trường; chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về kết quả thực hiện Quy chế này.

2. Cụ thể:

a) Tham mưu Hiệu trưởng ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể, các phụ lục biểu mẫu, quy trình nghiệp vụ;

b) Chủ trì tổ chức công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, pháp luật, đạo đức, lối sống cho sinh viên (phối hợp với Đảng ủy viên phụ trách công tác tuyên giáo);

c) Chủ trì công tác đánh giá kết quả rèn luyện; tổ chức Hội đồng kỷ luật;

d) Chủ trì công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên; vận hành Tổ Tư vấn, hỗ trợ sinh viên và Tổ Phản ứng nhanh phòng chống quấy rối, xâm hại;

đ) Chủ trì quản lý dữ liệu sinh viên; vận hành Cổng dịch vụ sinh viên, hệ thống chấm điểm rèn luyện trực tuyến, Dashboard quản trị sinh viên;

e) Tham mưu công tác thi đua, khen thưởng sinh viên; thực hiện chế độ, chính sách của Nhà nước đối với sinh viên;

g) Định kỳ tổ chức tự đánh giá công tác sinh viên của Trường; hoàn thành trước ngày 30/8 hằng năm theo khoản 6 Điều 27 Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT;

h) Báo cáo định kỳ, đột xuất với Hiệu trưởng và cơ quan quản lý cấp trên.

Điều 58. Trách nhiệm của Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế

1. Phối hợp với Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên trong tiếp nhận sinh viên trúng tuyển; cập nhật dữ liệu học tập, kết quả học tập làm cơ sở đánh giá rèn luyện.

2. Tích hợp giáo dục kỹ năng vào chương trình đào tạo; tổ chức hoạt động khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo của sinh viên.

3. Chủ trì kết nối với các đoàn nghệ thuật, hãng phim, đài truyền hình, công ty truyền thông, các đối tác trong nước và quốc tế phục vụ thực hành, kiến tập, thực tập, trao đổi sinh viên.

4. Tham gia Hội đồng đánh giá rèn luyện và Hội đồng kỷ luật cấp Trường khi được mời.

Điều 59. Trách nhiệm của Phòng Hành chính, Tổng hợp

1. Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị, an ninh trật tự, an toàn trường học, phòng cháy chữa cháy, y tế trường học, vệ sinh môi trường phục vụ công tác sinh viên.

2. Bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin, an toàn thông tin phục vụ vận hành Cổng dịch vụ sinh viên và các hệ thống số hóa công tác sinh viên.

3. Tổ chức công tác văn thư, lưu trữ hồ sơ giấy về công tác sinh viên theo quy định.

4. Tham gia Hội đồng kỷ luật khi được mời.

Điều 60. Trách nhiệm của các Khoa

1. Trưởng khoa chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về công tác sinh viên thuộc đơn vị quản lý.

2. Cụ thể:

a) Đề nghị Hiệu trưởng phân công giảng viên chủ nhiệm lớp, Trợ lý công tác sinh viên cấp Khoa;

b) Tổ chức Hội đồng đánh giá rèn luyện cấp Khoa;

c) Tổ chức các hoạt động chuyên môn nghệ thuật, hoạt động ngoại khóa gắn với chuyên ngành đào tạo của Khoa;

d) Xác nhận hoạt động nghệ thuật của sinh viên thuộc Khoa khi có yêu cầu; cấp giấy giới thiệu khi sinh viên tham gia hoạt động nghệ thuật ngoài Trường;

đ) Phối hợp xử lý kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên thuộc Khoa quản lý.

Điều 61. Trách nhiệm của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

1. Tổ chức Đoàn Thanh niên là lực lượng nòng cốt trong tổ chức các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng, văn hóa, văn nghệ, thể thao và phong trào tình nguyện của sinh viên.

2. Phối hợp với Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên trong việc bình xét rèn luyện, khen thưởng, kỷ luật sinh viên; tham gia các Hội đồng theo quy định.

3. Là kênh tiếp nhận, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của sinh viên đến Đảng ủy, Ban Giám hiệu.

Điều 62. Trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức trực thuộc Trường

Viện Sân khấu - Điện ảnh, Tạp chí Nghiên cứu Sân khấu - Điện ảnh, Trung tâm Thực hành Sân khấu - Điện ảnh và các đơn vị trực thuộc Trường khác có trách nhiệm:

1. Phối hợp tổ chức các hoạt động chuyên môn, học thuật, thực hành nghệ thuật phục vụ sinh viên;

2. Tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các đề tài nghiên cứu, dự án nghệ thuật của đơn vị; xác nhận hoạt động của sinh viên khi có yêu cầu;

3. Cử cán bộ tham gia các Hội đồng khi được Hiệu trưởng mời.

Điều 63. Trách nhiệm của sinh viên

1. Nghiêm túc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế này và các quy định khác của Trường.

2. Có ý thức học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, kỹ năng nghề nghiệp; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong sáng tạo và biểu diễn nghệ thuật.

3. Tích cực tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, tình nguyện do Trường, Đoàn Thanh niên tổ chức.

4. Bảo vệ uy tín, danh dự của Trường; thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người nghệ sĩ tương lai trên môi trường giáo dục và không gian mạng.

5. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính, đóng góp xã hội theo quy định; chấp hành các quyết định về điều động tham gia hoạt động đại diện cho Trường.

6. Sử dụng và bảo vệ tài sản công của Trường; giữ gìn an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường tại Trường và khu vực cư trú.

Điều 64. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định ban hành Quy chế có hiệu lực; thay thế Quyết định số 530/QĐ-SKĐAHN ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu

trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội về việc ban hành Quy chế Công tác học sinh, sinh viên trình độ đại học chính quy và các văn bản khác của Trường về công tác sinh viên trái với Quy chế này.

2. Hiệu trưởng quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung các Phụ lục kèm theo Quy chế này phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Phòng Khảo thí và Công tác HSSV để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định./.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Bùi Như Lai

PHỤ LỤC I

DANH MỤC BIỂU MẪU VÀ QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC SINH VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 736 /QĐ-SKĐAHN ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)

1. Danh mục biểu mẫu

TT	Tên biểu mẫu	Đơn vị/cá nhân sử dụng
01	Lý lịch sinh viên (kê khai đầu khóa)	Sinh viên nhập học
02	Đơn đăng ký nội trú / ngoại trú	Sinh viên đầu khóa, đầu năm
03	Đơn đăng ký tham gia hoạt động nghệ thuật ngoài Trường	Sinh viên có nhu cầu
04	Đơn xin xác nhận hoạt động chuyên môn nghệ thuật	Sinh viên hoặc đơn vị mời
05	Phiếu tự đánh giá kết quả rèn luyện	Sinh viên (cuối mỗi học kỳ)
06	Biên bản họp lớp đánh giá rèn luyện	Giảng viên chủ nhiệm lớp
07	Biên bản họp Hội đồng đánh giá rèn luyện cấp Khoa	Trưởng khoa
08	Bản tự kiểm điểm sinh viên vi phạm	Sinh viên vi phạm
09	Biên bản họp lớp (về việc xem xét, đề xuất xử lý kỷ luật sinh viên)	Giảng viên chủ nhiệm lớp
10	Tờ trình đề nghị xử lý kỷ luật	Phòng KT&CTHSSV
11	Biên bản họp Hội đồng kỷ luật	Hội đồng kỷ luật
12	Quyết định khen thưởng / kỷ luật sinh viên	Hiệu trưởng
13	Đơn khiếu nại kết quả đánh giá rèn luyện / quyết định kỷ luật	Sinh viên
14	Biểu mẫu báo cáo công tác sinh viên định kỳ	Phòng KT&CTHSSV

2. Sơ đồ quy trình xử lý kỷ luật sinh viên

(1) Phát hiện hành vi vi phạm → Giảng viên chủ nhiệm lớp / Trưởng khoa / Phòng KT&CTHSSV lập biên bản ghi nhận.

(2) Sinh viên làm Bản tự kiểm điểm (Mẫu BM.03), nộp trong vòng 03 ngày làm việc.

(3) Giảng viên chủ nhiệm lớp chủ trì họp kiểm điểm tại lớp (Mẫu BB.01).

(4) Trưởng khoa có ý kiến, chuyển hồ sơ về Phòng KT&CTHSSV.

(5) Phòng KT&CTHSSV phân loại vụ việc:

- Đủ 04 điều kiện kỷ luật theo trình tự rút gọn (khoản 3 Điều 39 Quy chế) → trình Hiệu trưởng ban hành quyết định (≤ 05 ngày làm việc).
- Không đủ điều kiện kỷ luật rút gọn → trình Hiệu trưởng thành lập Hội đồng kỷ luật.

(6) Hội đồng kỷ luật họp xét (≤ 10 ngày kể từ ngày thành lập); mời sinh viên dự họp; bỏ phiếu kín.

(7) Hội đồng kỷ luật trình Hiệu trưởng quyết định.

(8) Hiệu trưởng ban hành quyết định kỷ luật → tống đạt đến sinh viên, gia đình, đơn vị có liên quan.

(9) Lưu hồ sơ vào hồ sơ sinh viên điện tử (Phòng KT&CTHSSV).

(10) Sinh viên có quyền khiếu nại trong vòng 30 ngày (Điều 42 Quy chế).

PHỤ LỤC IIA

BẢNG QUY ĐỔI HOẠT ĐỘNG NGHỆ THUẬT VÀO ĐIỂM RÈN LUYỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 736 /QĐ-SKĐAHN ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)

Áp dụng đối với tiêu chí 5c (tối đa 5 điểm) quy định tại Điều 29 Quy chế này. Mỗi hoạt động chỉ được quy đổi một lần; nếu cùng một tác phẩm đoạt nhiều giải thưởng thì lấy mức cao nhất; tổng điểm cộng không vượt quá khung điểm của tiêu chí.

Mục 1. Tham gia sản xuất tác phẩm nghệ thuật chuyên nghiệp

TT	Loại hoạt động	Vai trò	Điểm quy đổi
1.1	Đóng phim điện ảnh, truyền hình do hãng/đài có giấy phép sản xuất	Vai chính	5 điểm
1.2	Đóng phim điện ảnh, truyền hình	Vai phụ có lời thoại	3điểm
1.3	Đóng phim điện ảnh, truyền hình	Vai quần chúng có hợp đồng	2 điểm
1.4	Đóng vở sân khấu chuyên nghiệp (nhà hát công lập, tư nhân có giấy phép)	Vai chính	5 điểm
1.5	Đóng vở sân khấu chuyên nghiệp	Vai phụ	3 điểm
1.6	Tham gia biểu diễn múa, ca tại các chương trình nghệ thuật chuyên nghiệp	Solo / Vai chính	5 điểm
1.7	Tham gia biểu diễn múa, ca tại chương trình chuyên nghiệp	Tập thể	2 điểm
1.8	Đạo diễn / Phó đạo diễn / Trợ lý đạo diễn cho phim, vở	—	5 điểm
1.9	Quay phim / Dựng phim / Thiết kế mỹ thuật / Thiết kế âm thanh	—	3 điểm
1.10	Tác giả kịch bản (đã được sản xuất)	—	5 điểm
1.11	Nhiếp ảnh gia chính của dự án truyền thông chuyên nghiệp	—	3 điểm

Mục 2. Tham gia liên hoan, hội diễn, cuộc thi nghệ thuật

TT	Cấp tổ chức	Kết quả	Điểm quy đổi
2.1	Cấp Khoa / cấp Trường	Tham gia	2 điểm

TT	Cấp tổ chức	Kết quả	Điểm quy đổi
2.2	Cấp Khoa / cấp Trường	Đoạt giải	4 điểm
2.3	Cấp Bộ / cấp tỉnh trở lên	Tham gia	4 điểm
2.4	Cấp Bộ / cấp tỉnh trở lên	Đoạt giải	5 điểm

Mục 3. Giải thưởng nghệ thuật chính thức của Nhà nước, tổ chức nghề nghiệp

TT	Tên giải thưởng / cấp	Điểm quy đổi
3.1	Giải thưởng cấp Hội nghề nghiệp (Hội Điện ảnh, Hội Nghệ sĩ Sân khấu, Hội Nghệ sĩ Múa, …)	5 điểm
3.2	Giải thưởng cấp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5 điểm
3.3	Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật (đối tượng đặc biệt)	5 điểm
3.4	Giải thưởng quốc tế có uy tín được Hội đồng chuyên môn công nhận	5 điểm

Mục 4. Hoạt động sáng tạo và hoạt động cộng đồng nghệ thuật

TT	Loại hoạt động	Điểm quy đổi
4.1	Tổ chức triển lãm cá nhân / nhóm có giấy phép, có tác phẩm tự sáng tác	5 điểm
4.2	Sáng tác và công bố tác phẩm nghệ thuật trên kênh chính thống (báo, tạp chí chuyên ngành, nền tảng số có kiểm duyệt)	4 điểm/tác phẩm
4.3	Tham gia dự án nghệ thuật phục vụ cộng đồng được Trường / cơ quan có thẩm quyền công nhận	4 điểm
4.4	Biểu diễn phục vụ vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người yếu thế (≥ 03 buổi)	5 điểm
4.5	Biểu diễn phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của ngành Văn hóa khi được điều động	4 điểm
4.6	Bài viết nghiên cứu, lý luận, phê bình nghệ thuật được đăng tải trên Tạp chí Nghiên cứu Sân khấu - Điện ảnh hoặc tạp chí chuyên ngành	5 điểm/bài

Lưu ý: (i) Mọi hoạt động quy đổi phải có minh chứng hợp pháp (hợp đồng, giấy mời, giấy chứng nhận, đường dẫn sản phẩm chính thức, văn bản xác nhận của đơn vị tổ chức). (ii) Hoạt động phải bảo đảm đúng pháp luật, lành mạnh, phù hợp đạo đức nghề nghiệp nghệ sĩ; trường hợp phát hiện hoạt động vi phạm pháp luật hoặc thuần phong mỹ tục thì điểm quy đổi bị hủy và sinh viên có thể bị xem xét kỷ luật. (iii) Tổng điểm cộng quy đổi không làm tổng điểm tiêu chí 5c vượt quá khung 5 điểm và không làm tổng điểm rèn luyện toàn học kỳ vượt quá 100 điểm.

PHỤ LỤC IIB
THANG ĐIỂM CHI TIẾT
ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN SINH VIÊN

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Minh chứng
1.	**Tiêu chí 1: Trách nhiệm chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế của Nhà trường**	**25 điểm**	
a.	***Chấp hành các quy định của pháp luật đối với công dân; các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch***	***10 điểm***	
	Không vi phạm pháp luật, chấp hành tốt quy định và tham gia đầy đủ kể cả Sinh hoạt công dân	10	DS tham gia SHCD, không có quyết định kỷ luật
	Thực hiện quy định chưa tốt: Đi học muộn hoặc nghỉ học không phép nhưng chưa tới mức bị kỷ luật	6	Biên bản, thông báo nhắc nhở
	Bị xử lý kỷ luật	0	Có quyết định kỷ luật từ khiển trách trở lên
b.	***Chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác của Trường***	***15 điểm***	
-	Chấp hành quy định về nề nếp học đường	5	
	Chấp hành tốt	*5*	*Không có văn bản liên quan đến vi phạm*
	Bị nhắc nhở	*3*	*Có văn bản, tin nhắn*
	Bị xử lý kỷ luật	*0*	*Có quyết định kỷ luật từ khiển trách trở lên*
-	Chấp hành quy định nhà trường về học phí	5	
	Chấp hành tốt	*5*	*Không có văn bản liên quan đến vi phạm*
	Bị nhắc nhở	*3*	*Có văn bản, tin nhắn...*
	Bị xử lý kỷ luật	*0*	*Có quyết định kỷ luật từ khiển trách trở lên*
-	Chấp hành các quy định khác của Trường	5	
	Chấp hành tốt	*5*	*Không có văn bản liên quan đến vi phạm*
	Bị nhắc nhở	*3*	*Có văn bản, tin nhắn...*
	Bị xử lý kỷ luật	*0*	*Có quyết định kỷ luật từ khiển trách trở lên*
2.	**Tiêu chí 2: Trách nhiệm, tinh thần và thái độ trong học tập**	**20 điểm**	
a.	***Trách nhiệm và thái độ tham gia các hoạt động học tập chính khóa, thực hành chuyên môn nghệ thuật, hoạt động nghiên cứu khoa học***	***13 điểm***	
-	Kết quả học tập kỳ xét rèn luyện	8	Bảng điểm tổng kết học kỳ của lớp
	Xếp loại học tập xuất sắc (từ 9.0 đến 10.0)	*8*	
	Xếp loại học tập Giỏi (từ 8.0 đến cận 9.0)	*7*	
	Xếp loại học tập Khá (từ 7.0 đến cận 8.0)	*6*	
	Xếp loại học tập Trung bình (từ 5.0 đến cận 7.0)	*5*	

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Minh chứng
	Xếp loại yếu kém (dưới 5.0)	*0*	
-	Thực hành chuyên môn	3	
	Tham gia đầy đủ	*3*	*Phiếu điểm danh, xác nhận của giảng viên*
	Không tham gia hoặc vắng không phép	*0*	
-	Nghiên cứu khoa học	2	
	Có tham gia đề tài, hội thảo, seminar	*2*	*Giấy chứng nhận, quyết định tham gia*
	Có ý thức tham gia NCKH	*1*	
	Không quan tâm đến NCKH	*0*	
b.	***Trách nhiệm và tinh thần tham gia các kỳ thi, cuộc thi học thuật, thi tốt nghiệp, biểu diễn báo cáo***	***5 điểm***	
	Tham gia đầy đủ, không vi phạm	5	Xác nhận của khoa, danh sách…
	Có tinh thần tham gia	4	
	Vi phạm quy chế hoặc bị kỷ luật	0	Biên bản xử lý, hoặc quyết định
c.	***Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập và sáng tạo nghệ thuật***	***2 điểm***	
	Có thành tích nổi bật hoặc tiến bộ rõ rệt	2	Bảng điểm, xác nhận GV, sản phẩm nghệ thuật
	Có tinh thần phấn đấu vươn lên trong học tập và sáng tạo nghệ thuật	1	
	Không phấn đấu học tập và sáng tạo nghệ thuật	0	
3.	**Tiêu chí 3: Trách nhiệm tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.**	**20 điểm**	
a.	***Trách nhiệm và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao***	***10 điểm***	
	Tích cực tham gia các hoạt động trong và ngoài trường	10	Giấy chứng nhận, giấy khen
	Có tham gia nhưng không thường xuyên	8	Danh sách tham gia, biên bản họp
	Có tinh thần tham gia các hoạt động trường, khoa, lớp…	7	
	Không thích tham gia	0	
b.	***Trách nhiệm tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội, các chương trình biểu diễn phục vụ cộng đồng***	***5 điểm***	
	Tích cực tham gia các hoạt động trong và ngoài trường	5	Giấy chứng nhận, giấy khen
	Có ý thức tham gia	4	Danh sách tham gia, biên bản họp
	Không quan tâm	0	

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Minh chứng
c.	***Tham gia tuyên truyền phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, đặc biệt trong môi trường nghệ thuật***	***5 điểm***	
	Tham gia đầy đủ	5	Giấy chứng nhận, giấy khen
	Có ý thức tham gia	4	
	Không quan tâm	0	
4.	**Tiêu chí 4: Trách nhiệm công dân trong quan hệ cộng đồng**	**15 điểm**	
a.	***Tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng; lan tỏa giá trị văn hóa, đạo đức tích cực trên không gian mạng***	***8 điểm***	
	Có hoạt động tuyên truyền, truyền thông tích cực	8	Bằng khen, giấy khen, giấy chứng nhận
	Có ý thức tham gia	6	
	Không quan tâm	0	
b.	***Trách nhiệm tham gia các hoạt động xã hội được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng***	***7 điểm***	
	Có giấy khen, bằng khen, giấy chứng nhận	7	Bằng khen, giấy khen, giấy chứng nhận
	Có ý thức tham gia	5	
	Không quan tâm	0	
5.	**Tiêu chí 5: Trách nhiệm và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, công tác đoàn thể, các tổ chức khác của Trường hoặc có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện, hoạt động nghệ thuật được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng**	**20 điểm**	
a.	***Trách nhiệm, hiệu quả công việc của sinh viên được phân công nhiệm vụ Ban Cán sự lớp, cán bộ Đoàn Thanh niên, các tổ chức khác của Trường***	***10 điểm***	
	Ban cán sự lớp, cán bộ đoàn có trách nhiệm, nhiệt tình, uy tín cao, kỹ năng tổ chức, quản lý lớp và chi đoàn tốt	10	Quyết định công nhận + nhận xét hoàn thành
	Ban cán sự lớp, cán bộ đoàn chưa có uy tín cao trong lớp. Lớp có SV bị kỷ luật dưới 35%, đoàn viên thanh niên tham gia các hoạt động không nhiều.	8	Quyết định công nhận + nhận xét hoàn thành
	Ban cán sự lớp, cán bộ đoàn chưa có uy tín cao, tổ chức lớp chưa tốt: Lớp có SV bị kỷ luật dưới 50%, đoàn viên thanh niên tham gia các hoạt động không nhiều.	5	Quyết định công nhận + nhận xét hoàn thành
	Ban cán sự lớp, cán bộ đoàn không hoàn thành nhiệm vụ. Lớp có SV bị kỷ luật từ 50% trở lên,	0	

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Minh chứng
	đoàn viên thanh niên không tham gia các hoạt động do trường/khoa phát động.		
	Thành viên lớp hỗ trợ tích cực	6	Xác nhận của lớp/khoa
b.	***Hỗ trợ và tham gia tích cực các hoạt động chung của lớp, Khoa, Trường***	***5 điểm***	
	Tham gia đầy đủ	5	Danh sách tham gia
	Có ý thức hỗ trợ, tham gia	3	Xác nhận của lớp/khoa
	Không quan tâm	0	
c.	***Có thành tích trong nghiên cứu khoa học, tham gia các cuộc thi học thuật, hoạt động khởi nghiệp; có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghệ thuật chuyên ngành (đóng phim, đóng vở, biểu diễn, sáng tác, triển lãm, giải thưởng nghệ thuật) được quy đổi theo Phụ lục IIA Quy chế***	***5 điểm***	

I. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Từ 90 đến 100 điểm : loại xuất sắc;
2. Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;
3. Từ 70 đến dưới 80 điểm: loại khá;
4. Từ 50 đến dưới 70 điểm: loại trung bình;
5. Dưới 50 điểm : loại yếu.

II. Phân loại để đánh giá

1. Bị kỷ luật mức **khiển trách**, kết quả rèn luyện không được vượt quá loại **khá**.
2. Bị kỷ luật mức **cảnh cáo**, kết quả rèn luyện không được vượt quá loại **trung bình**.
3. Bị kỷ luật mức **đình chỉ** học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.
4. Sinh viên đang trong thời gian **ngừng học, bảo lưu kết quả học tập** sẽ không đánh giá kết quả rèn luyện.
5. Người học bị kỷ luật mức **buộc thôi học** không được đánh giá kết quả rèn luyện.

PHỤ LỤC III

DANH MỤC HÀNH VI VI PHẠM VÀ MỨC ĐỘ KỶ LUẬT ÁP DỤNG ĐỐI VỚI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 736 /QĐ-SKĐAHN ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Phụ lục được xây dựng trên cơ sở các văn bản pháp luật và quy định hiện hành sau đây:

1. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

2. Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

3. Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

4. Luật An ninh mạng năm 2018;

5. Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022);

6. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

7. Bộ luật Lao động năm 2019 (về quy định phòng, chống quấy rối tình dục);

8. Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

9. Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 127/2021/NĐ-CP);

10. Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác sinh viên (thay thế Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT);

11. Quy chế công tác sinh viên Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 736/QĐ-SKĐAHN ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

II. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Phụ lục này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Hành vi vi phạm** là hành vi của sinh viên trái với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Quy chế công tác sinh viên, nội quy, quy chế của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (sau đây gọi tắt là Nhà trường), xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, Nhà trường, tổ chức, cá nhân.

2. **Sản phẩm nghệ thuật phản cảm** là sản phẩm có nội dung, hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ trái với thuần phong mỹ tục, đạo đức xã hội, đường lối văn hóa của Đảng và Nhà nước, đã được Hội đồng Thẩm định chuyên môn của Nhà trường hoặc cơ quan quản lý văn hóa có thẩm quyền kết luận bằng văn bản.

3. Đạo nhái tác phẩm là hành vi sao chép, sử dụng tác phẩm, sản phẩm, ý tưởng sáng tạo của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu, không trích dẫn nguồn, được Hội đồng Chuyên môn của Nhà trường giám định kết luận có tỉ lệ trùng lặp từ 30% trở lên đối với bài tập, tiểu luận và từ 15% trở lên đối với khóa luận, đồ án, tác phẩm tốt nghiệp.

4. Trục lợi cá nhân là việc sinh viên sử dụng tư cách sinh viên Nhà trường, danh nghĩa, hình ảnh, biểu trưng của Nhà trường hoặc của giảng viên, lãnh đạo Nhà trường nhằm mục đích thu lợi vật chất hoặc lợi ích phi vật chất cho cá nhân, không được sự cho phép của Nhà trường.

5. Liêm chính học thuật là việc sinh viên trung thực trong học tập, nghiên cứu, sáng tạo, kiểm tra, đánh giá, sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) đúng quy định của Nhà trường; không gian lận, không đạo nhái, không học hộ, không thi hộ, không gian dối về kết quả học tập, nghiên cứu. Nhà trường có trách nhiệm đầu tư và vận hành phần mềm kiểm tra đạo văn, phát hiện nội dung AI tạo sinh (Turnitin, GPTZero hoặc phần mềm tương đương), áp dụng theo lộ trình: thí điểm từ năm học 2026–2027 đối với đồ án tốt nghiệp và tiểu luận học phần cuối khóa, mở rộng theo quyết định của Hiệu trưởng trên cơ sở đánh giá kết quả thí điểm.

6. Học hộ, nhờ người học hộ là hành vi sinh viên thỏa thuận, nhờ người khác (là sinh viên của Nhà trường, sinh viên trường khác hoặc người ngoài) tham dự thay mình các buổi học lý thuyết, thực hành, thực tập, sinh hoạt chuyên môn, điểm danh, làm bài tập trên lớp; hoặc sinh viên đi học thay cho người khác. Hành vi học hộ bao gồm cả hình thức trực tiếp và trực tuyến (lớp học trực tuyến, điểm danh điện tử).

7. Quyết định kỷ luật theo trình tự rút gọn là quyết định kỷ luật được người đứng đầu Nhà trường ban hành mà không phải thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục và hồ sơ xử lý kỷ luật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT, khi hành vi vi phạm đáp ứng đủ các điều kiện: đã có quy định cụ thể về hình thức kỷ luật; có đủ căn cứ, chứng cứ xác định rõ hành vi vi phạm; vụ việc không có tình tiết phức tạp, không cần xác minh bổ sung; hình thức kỷ luật dự kiến áp dụng không phải là đình chỉ học tập có thời hạn hoặc buộc thôi học.

III. NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG KỶ LUẬT

1. Việc xử lý kỷ luật sinh viên phải bảo đảm các nguyên tắc quy định tại Điều 19 Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT, cụ thể:

a) Giáo dục, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm; giáo dục, giúp đỡ để sinh viên tự giác điều chỉnh hành vi, sửa chữa khuyết điểm, thay đổi nhận thức, tự giác rèn luyện để tiến bộ; góp phần giữ vững kỷ cương, nền nếp trong Nhà trường;

b) Khách quan, công khai, minh bạch, nghiêm minh, đúng pháp luật và có tính giáo dục; không xâm phạm thân thể, tinh thần, danh dự, nhân phẩm của sinh viên trong quá trình xử lý kỷ luật;

c) Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần bằng một hình thức kỷ luật. Trong cùng một thời điểm xem xét xử lý kỷ luật, nếu sinh viên có từ hai hành vi vi phạm trở lên thì xem xét, kết luận về từng hành vi và quyết định chung bằng một hình thức cao nhất tương ứng với hành vi vi phạm;

d) Xem xét toàn diện nội dung, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm, nguyên nhân vi phạm; các chứng cứ thu nhận được; thái độ nhận lỗi và sửa chữa vi phạm, khắc phục hậu quả đã gây ra; có sự phối hợp với gia đình sinh viên;

đ) Bảo đảm quyền được biết, quyền giải trình, quyền tham dự họp xét kỷ luật, quyền có người đại diện và quyền khiếu nại của sinh viên theo quy định.

2. Chưa xem xét kỷ luật đối với sinh viên đang trong các trường hợp sau:

a) Đang trong thời gian nghỉ điều trị bệnh có xác nhận của cơ sở y tế;

b) Đang nghỉ học và được sự đồng ý của Nhà trường;

c) Đang chờ kết quả của cơ quan có thẩm quyền điều tra, xác minh hành vi vi phạm pháp luật.

3. Xử lý kỷ luật khi tiếp tục có hành vi vi phạm trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật:

a) Nếu có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật ở hình thức nhẹ hơn hoặc bằng so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật đang thi hành;

b) Nếu có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật ở hình thức nặng hơn so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm kỷ luật mới.

4. Tình tiết giảm nhẹ gồm:

a) Sinh viên tự giác khai báo, nhận lỗi trước khi bị phát hiện;

b) Đã chủ động khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại;

c) Vi phạm lần đầu, mức độ nhẹ, do hoàn cảnh khách quan;

d) Có thành tích trong học tập, rèn luyện, hoạt động đoàn thể, biểu diễn nghệ thuật.

5. Tình tiết tăng nặng gồm:

a) Tái phạm; vi phạm có tổ chức; lôi kéo, kích động người khác cùng vi phạm;

b) Lợi dụng tư cách cán bộ lớp, cán bộ Đoàn Thanh niên để vi phạm;

c) Cố ý che giấu hành vi, cản trở việc xác minh;

d) Gây hậu quả nghiêm trọng đến uy tín, hình ảnh của Nhà trường, ngành nghệ thuật.

6. Phạm vi áp dụng trình tự rút gọn:

Việc ban hành quyết định kỷ luật theo trình tự rút gọn quy định tại khoản 3 Điều 23 Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT chỉ áp dụng đối với các hành vi vi phạm có hình thức kỷ luật dự kiến là khiển trách hoặc cảnh cáo, đáp ứng đủ các điều kiện: hành vi đã có quy định cụ thể về hình thức kỷ luật; có đủ căn cứ, chứng cứ xác định rõ hành vi vi phạm; vụ việc không có tình tiết phức tạp, không cần xác minh bổ sung. Các hành vi có

hình thức kỷ luật dự kiến là đình chỉ học tập có thời hạn hoặc buộc thôi học bắt buộc phải được xem xét tại Hội đồng kỷ luật sinh viên của Nhà trường theo trình tự, thủ tục đầy đủ.

IV. DANH MỤC HÀNH VI VI PHẠM VÀ KHUNG KỶ LUẬT ÁP DỤNG

1. Quy ước về mức độ vi phạm

Mức độ vi phạm và hình thức kỷ luật được phân định theo Điều 20, Điều 21 và Điều 22 Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT:

Mức độ	Hình thức kỷ luật	Tiêu chí xác định (theo Điều 20 Thông tư 40/2026)
1	Khiển trách	Vi phạm có tính chất, mức độ tác hại không lớn, tác động trong phạm vi của một lớp.
2	Cảnh cáo	Vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, tác động trong phạm vi nhiều lớp, khoa của Nhà trường, gây dư luận xấu trong hoặc ngoài Nhà trường; hoặc đã bị khiển trách mà tái phạm.
3	Đình chỉ học tập có thời hạn	Vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, phạm vi tác động ngoài Nhà trường, làm ảnh hưởng đến uy tín của Nhà trường; hoặc đã bị cảnh cáo mà tái phạm. Thời hạn đình chỉ do Hiệu trưởng quyết định, không quá 12 tháng (hoặc 01 năm học).
4	Buộc thôi học	Vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại đặc biệt lớn, phạm vi tác động đến toàn xã hội, làm ảnh hưởng lớn đến uy tín của Nhà trường; hoặc đã bị đình chỉ học tập có thời hạn mà tái phạm.

2. Bảng A - Danh mục hành vi vi phạm chung

Áp dụng theo Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT và các văn bản pháp luật hiện hành:

TT	Hành vi vi phạm	Mức độ	Hình thức kỷ luật
1	Đi muộn từ 03 lần trở lên trong một học phần; vắng học không phép từ 20% số tiết của học phần trở lên; gây mất trật tự trong giờ học lý thuyết, thực hành đã được giảng viên nhắc nhở mà không khắc phục.	-	Nhắc nhở bằng văn bản của Khoa (không lập hồ sơ kỷ luật)

TT	Hành vi vi phạm	Mức độ	Hình thức kỷ luật
2	Không chấp hành sự phân công của giảng viên chủ nhiệm lớp, Ban Cán sự lớp về sinh hoạt lớp, hoạt động ngoại khóa, hoạt động chung của Nhà trường sau khi đã được nhắc nhở từ 02 lần trở lên.	1	Khiển trách
3a	Hút thuốc lá, thuốc lá điện tử trong khuôn viên Nhà trường và tại các địa điểm thực hành nghệ thuật do Nhà trường tổ chức.	1	Khiển trách
3b	Sử dụng rượu, bia trong khuôn viên Nhà trường, tại các địa điểm thực hành nghệ thuật do Nhà trường tổ chức; có biểu hiện say rượu, bia gây mất kiểm soát hành vi.	2	Cảnh cáo
4a	Gian lận trong thi cử, kiểm tra (mang tài liệu, sử dụng thiết bị thông tin liên lạc trái phép, chép bài, trao đổi bài) lần đầu, mức độ nhẹ, chưa gây hậu quả đến kết quả chung.	2	Cảnh cáo
4b	Gian lận trong thi cử, kiểm tra có tổ chức (từ 02 sinh viên trở lên cùng vi phạm); thi hộ, nhờ người thi hộ; sử dụng kết quả của người khác.	3	Đình chỉ học tập có thời hạn
4c	Học hộ, nhờ người học hộ trong các buổi học lý thuyết, thực hành, thực tập, sinh hoạt chuyên môn (cả trực tiếp và trực tuyến); điểm danh hộ, làm bài tập trên lớp thay cho người khác (lần đầu, chưa gây hậu quả đến kết quả học phần).	2	Cảnh cáo
4d	Học hộ, nhờ người học hộ có tổ chức (từ 02 sinh viên trở lên cùng vi phạm); tái phạm sau khi đã bị cảnh cáo; học hộ trong các học phần thực hành chuyên ngành, học phần có tính chất quyết định đối với kết quả tốt nghiệp; thuê người ngoài Nhà trường học hộ.	3	Đình chỉ học tập có thời hạn
5	Phát ngôn thiếu chuẩn mực trên mạng xã hội cá nhân về Nhà trường, giảng viên, viên chức, người lao động và sinh viên của Nhà trường, có bằng chứng cụ thể, gây dư luận tiêu cực trong nội bộ	2	Cảnh cáo

TT	Hành vi vi phạm	Mức độ	Hình thức kỷ luật
	Nhà trường, chưa đến mức nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về an ninh mạng.		
6	Đánh nhau, gây rối an ninh trật tự trong và ngoài khuôn viên Nhà trường, có hậu quả về sức khỏe, tài sản hoặc ảnh hưởng đến uy tín Nhà trường.	3	Đình chỉ học tập có thời hạn
7	Trộm cắp tài sản; tổ chức, tham gia đánh bạc; cho vay nặng lãi; lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong nội bộ Nhà trường ở mức độ chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.	3	Đình chỉ học tập có thời hạn
8	Sử dụng trái phép chất ma túy, chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.	3	Đình chỉ học tập có thời hạn
9	Tổ chức sử dụng, mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy.	4	Buộc thôi học
10	Quấy rối tình dục bằng lời nói, hành vi không có yếu tố xâm hại thể chất, có bằng chứng cụ thể.	3	Đình chỉ học tập có thời hạn
11	Có hành vi xâm hại tình dục, dâm ô đối với người khác trong và ngoài khuôn viên Nhà trường.	4	Buộc thôi học
12	Làm giả giấy tờ, văn bằng, chứng chỉ; gian lận trong xét tốt nghiệp, xét cấp học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ chính sách.	3-4	Đình chỉ / Buộc thôi học
13	Phát tán, đăng tải nội dung xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên không gian mạng (sau khi có kết luận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền).	3-4	Đình chỉ / Buộc thôi học
14	Tham gia tổ chức, hoạt động trái pháp luật; có hành vi tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (sau khi có quyết định khởi tố hoặc kết luận của cơ quan có thẩm quyền).	4	Buộc thôi học
15	Bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về một tội phạm mà mức hình phạt là tù giam, không hưởng án treo.	4	Buộc thôi học

3. Bảng B – Danh mục hành vi vi phạm đặc thù đào tạo nghệ thuật

Áp dụng riêng cho sinh viên Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, căn cứ đặc thù đào tạo các ngành sân khấu, điện ảnh, truyền hình, biểu diễn, sáng tác:

TT	Hành vi vi phạm	Mức độ	Hình thức kỷ luật
16	Vi phạm quy định về trang phục, hình thức, tác phong trong giờ học chính khóa, giờ thực hành nghệ thuật, buổi biểu diễn báo cáo chính thức của Nhà trường (áp dụng biện pháp nhắc nhở theo quy định tại Mục IV.4 Phụ lục này).	-	Nhắc nhở bằng văn bản của giảng viên chủ nhiệm lớp (không lập hồ sơ kỷ luật)
17	Tự ý vắng các buổi tổng duyệt, biểu diễn báo cáo, kỳ thi thực hành, buổi bảo vệ bài tập, đồ án nghệ thuật mà không có lý do chính đáng được Nhà trường chấp thuận.	2	Cảnh cáo
18a	Tham gia biểu diễn, đóng phim, đóng quảng cáo, sản xuất sản phẩm nghệ thuật ngoài Nhà trường mà không thực hiện đầy đủ thủ tục khai báo theo quy định, gây ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng học tập, vi phạm lần đầu, mức độ nhẹ (áp dụng biện pháp nhắc nhở theo quy định tại Mục IV.4 Phụ lục này).	-	Nhắc nhở bằng văn bản của giảng viên chủ nhiệm lớp (không lập hồ sơ kỷ luật)
18b	Tham gia biểu diễn, đóng phim, đóng quảng cáo, sản xuất sản phẩm nghệ thuật ngoài Nhà trường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động học tập, hoặc tái phạm sau khi đã bị khiển trách.	2	Cảnh cáo
18c	Từ chối tham gia các hoạt động chuyên môn chính thức của Nhà trường (biểu diễn báo cáo, dự án giảng dạy, hoạt động đối ngoại nghệ thuật) để ưu tiên các hoạt động cá nhân ngoài Nhà trường.	2	Cảnh cáo
19	Sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, đạo cụ, trang phục, nhạc cụ, thiết bị âm thanh – ánh sáng của Nhà trường ra ngoài hoặc cho hoạt động cá nhân	2	Cảnh cáo

TT	Hành vi vi phạm	Mức độ	Hình thức kỷ luật
	mà không được sự cho phép bằng văn bản của bộ phận quản lý.		
20	Gây mất an toàn lao động trong giờ thực hành tại sân khấu, phim trường, xưởng thiết kế, phòng dựng do cố ý hoặc bất cẩn nghiêm trọng, gây thiệt hại về người, tài sản, thiết bị.	2-3	Cảnh cáo / Đình chỉ
21	Đăng tải, chia sẻ trên không gian mạng các hình ảnh, video phản cảm liên quan đến chuyên ngành đào tạo, ảnh hưởng đến hình ảnh sinh viên Nhà trường (đã có kết luận của Hội đồng Thẩm định chuyên môn Nhà trường).	2-3	Cảnh cáo / Đình chỉ
22	Đạo nhái tác phẩm, sản phẩm nghệ thuật của người khác trong môn học, kỳ thi, đồ án, dự án (đã có kết luận giám định của Hội đồng Chuyên môn Nhà trường về tỉ lệ trùng lặp).	2-3	Cảnh cáo / Đình chỉ
23	Lợi dụng danh nghĩa sinh viên Nhà trường, sử dụng hình ảnh, biểu trưng, tên gọi của Nhà trường, hình ảnh giảng viên, lãnh đạo Nhà trường để quảng cáo trá hình, truyền thông sai sự thật, trục lợi cá nhân.	3	Đình chỉ học tập có thời hạn
24	Tham gia sản xuất, đóng vai, biểu diễn trong sản phẩm nghệ thuật có nội dung phản cảm, đồi trụy, kích động bạo lực, mê tín dị đoan (đã có kết luận của Hội đồng Thẩm định chuyên môn Nhà trường hoặc cơ quan quản lý văn hóa có thẩm quyền).	3-4	Đình chỉ / Buộc thôi học
25	Vi phạm quy định về liêm chính học thuật trong sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo (AI tạo sinh) đối với bài tập, đồ án, khóa luận tốt nghiệp; không khai báo, không trích dẫn việc sử dụng AI theo quy định của Nhà trường. Lưu ý: Biện pháp chế tài tại mục này chỉ áp dụng sau khi Nhà trường ban hành Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật trích dẫn AI	2-3	Cảnh cáo / Đình chỉ

TT	Hành vi vi phạm	Mức độ	Hình thức kỷ luật
	và sinh viên đã được tập huấn đầy đủ về nội dung Sổ tay này.		
26	Sao chép, phát tán trái phép tác phẩm nghệ thuật, bài giảng điện tử, tài nguyên học liệu số, mã nguồn, bài giảng, tài liệu giảng dạy thuộc bản quyền của giảng viên, Nhà trường lên không gian mạng vì mục đích cá nhân hoặc thương mại.	2-3	Cảnh cáo / Đình chỉ
27	Lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm giảng viên, viên chức, người lao động, sinh viên khác của Nhà trường bằng lời nói, hành vi, hoặc trên không gian mạng có bằng chứng cụ thể.	2-3	Cảnh cáo / Đình chỉ

4. BIỆN PHÁP NHẮC NHỞ

Đối với các hành vi vi phạm được quy định áp dụng biện pháp nhắc nhở tại Bảng A Phụ lục này (Mục 1), Khoa lập biên bản nhắc nhở bằng văn bản đối với sinh viên vi phạm; Bảng B Phụ lục này (Mục 16, Mục 18a), giảng viên chủ nhiệm lớp lập biên bản nhắc nhở bằng văn bản đối với sinh viên vi phạm, lưu tại hồ sơ theo dõi của lớp; không lập hồ sơ kỷ luật, không đưa vào quyết định kỷ luật của Hiệu trưởng, không ảnh hưởng đến kết quả rèn luyện của sinh viên. Trường hợp sinh viên tái phạm sau khi đã bị nhắc nhở thì bị xem xét xử lý kỷ luật theo hình thức tương ứng quy định tại Bảng A, Bảng B Phụ lục này.

V. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHUYÊN MÔN

1. Đối với các hành vi vi phạm có nội dung liên quan đến chuyên môn nghệ thuật (các hành vi số 20, 21, 22, 24, 25 trong Bảng B), trước khi xem xét kỷ luật, Hiệu trưởng thành lập Hội đồng Thẩm định chuyên môn để giám định, kết luận về:

a) Tính chất phản cảm, đồi trụy, kích động bạo lực, mê tín dị đoan của sản phẩm nghệ thuật;

b) Tỉ lệ trùng lặp, mức độ đạo nhái của tác phẩm, sản phẩm;

c) Mức độ vi phạm liêm chính học thuật trong sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo;

d) Mức độ gây mất an toàn lao động trong thực hành nghệ thuật.

2. Thành phần Hội đồng Thẩm định chuyên môn gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo;

b) Ủy viên thường trực: Trưởng phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên;

c) Các ủy viên: Trưởng/Phó trưởng khoa chuyên ngành có liên quan; 02 giảng viên chuyên môn có uy tín; đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của Nhà trường;

d) Trường hợp cần thiết, mời chuyên gia bên ngoài Nhà trường (Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, Hội Điện ảnh Việt Nam, Cục Nghệ thuật biểu diễn) tham gia.

đ) Đối với các trường hợp thẩm định liên quan đến AI và công nghệ số (bao gồm nhưng không giới hạn ở các hành vi vi phạm tại Mục 25 Bảng B và các trường hợp sử dụng công cụ AI tạo sinh trong sáng tạo nghệ thuật), thành phần Hội đồng bắt buộc phải có đại diện giảng viên chuyên ngành Tin học/Công nghệ thông tin tham gia với tư cách Ủy viên chuyên môn kỹ thuật; giảng viên này được mời từ Bộ môn Tin học thuộc Khoa Kiến thức cơ bản. Trường hợp Trường chưa có giảng viên chuyên ngành Tin học/Công nghệ thông tin hoặc giảng viên đó có xung đột lợi ích, Hiệu trưởng mời chuyên gia từ cơ sở giáo dục đại học hoặc tổ chức có chuyên môn phù hợp.

3. Hội đồng Thẩm định chuyên môn làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số, kết luận bằng văn bản. Văn bản kết luận là căn cứ bắt buộc để Hội đồng kỷ luật sinh viên của Nhà trường xem xét hình thức kỷ luật cụ thể.

VI. QUYỀN CỦA SINH VIÊN TRONG QUÁ TRÌNH XEM XÉT KỶ LUẬT

Sinh viên bị xem xét kỷ luật có các quyền sau:

1. Được thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm bị xem xét, mức độ vi phạm dự kiến và hình thức kỷ luật dự kiến ít nhất 07 ngày làm việc trước phiên họp xét kỷ luật;

2. Được tham dự họp xét kỷ luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT;

3. Được tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp (đối với sinh viên chưa đủ 18 tuổi) giải trình, đưa ra chứng cứ, ý kiến tại phiên họp xét kỷ luật;

4. Được mời đại diện gia đình, đại diện Ban Cán sự lớp, đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của Nhà trường tham dự phiên họp;

5. Được biết kết quả xét kỷ luật và lý do của quyết định kỷ luật trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định;

6. Được khiếu nại quyết định kỷ luật theo quy định của pháp luật về khiếu nại và Quy chế công tác sinh viên của Nhà trường.

VII. THỜI HIỆU, HIỆU LỰC CỦA QUYẾT ĐỊNH KỶ LUẬT

Thời hiệu, hiệu lực của quyết định kỷ luật thực hiện theo quy định tại Điều 41 Quy chế công tác sinh viên của Trường.

VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Phụ lục này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định ban hành Quy chế công tác sinh viên Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội có hiệu lực.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các hành vi vi phạm mới chưa được quy định trong Phụ lục này, Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, bổ sung.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Phụ lục này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

4. Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên là đơn vị đầu mối hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Phụ lục này.

—— HẾT ——

Nơi nhận:
- Đảng ủy, Ban Giám hiệu (để b/c);
- Các đơn vị trực thuộc (để t/h);
- Đoàn Thanh niên CSHCM Nhà trường;
- Cổng thông tin điện tử Trường;
- Lưu: VT, P.KT&CTHSSV.TTPT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

TS. Bùi Như Lai